

Số: 193.../CTN
Về việc công bố thông tin

Trà Vinh, ngày 14 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh

Trụ sở chính: 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại liên hệ: 0294.3840215

Fax: 0294.3850656

E-mail: trawacotv@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Quý

Địa chỉ: 33/76, ấp Đầu Bờ, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0913730545 Fax:

Loại thông tin công bố 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: trawaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Văn Quý



TRAWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH



Số 512B, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 02943. 840 215

Fax: 02943. 850 656

Website: trawaco.com.vn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022**

Mục lục

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

4

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

62

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

24

Quản trị Công ty

66

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty


52

Báo cáo tài chính

86

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



01

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động



Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Trụ sở chính: Số 512B, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Tên viết tắt: TRAWACO

Vốn điều lệ: 145.978.600.000 đồng

Điện thoại: 02943. 840 215

Fax: 02943. 850 656

Email: trawacotv@gmail.com

Website: <https://trawaco.com.vn/>

Ngành nghề: Cung cấp nước và các dịch vụ khác liên quan.

Mã cổ phiếu: TVW

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2021.



Lịch sử hình thành và phát triển

1992

Công ty đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh, là doanh nghiệp nhà nước hạng II, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.

1998

Tháng 10/1998 Công ty khánh thành đưa Nhà máy cấp nước Tp. Trà Vinh vào sử dụng cấp nước cho Tp. Trà Vinh, thị trấn Châu Thành và vùng ven Tp. Trà Vinh thuộc huyện Châu Thành.

2002

Công ty đưa vào sử dụng Trạm cấp nước thị trấn Tiểu Cần huyện Tiểu Cần công suất 1.200 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn OECF viện trợ Chính phủ Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách.

2008

Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước từ Công ty Công trình Đô thị về Công ty.

2010

Tháng 12/2010, thực hiện chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2011.

2016

Ngày 07/12/2016 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức trở thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

2021

Để có thể đồng hành cùng khách hàng trong khoảng thời gian khó khăn này, Công ty đã mở ra chính sách giảm 10% giá nước, hỗ trợ cho khách hàng sử dụng nước sinh hoạt trong tình hình dịch bệnh phức tạp.

2022

UBND tỉnh Trà Vinh đã chấp thuận tăng giá nước, giúp cho tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty được cải thiện. Công ty đã hoàn thành mục tiêu kinh doanh đề ra trong năm.

Các thành tích tiêu biểu

- Hai năm liền, UBND tỉnh tặng Cờ Đơn vị dẫn đầu thi đua năm 2011, năm 2012.
- Bằng khen của Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh tặng Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.
- BCH Trung ương Hội Cấp thoát nước Việt Nam tặng Bằng khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống công nhân viên chức năm 2012.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh; Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ
3700	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước; Dịch vụ thoát nước công cộng
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước, thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

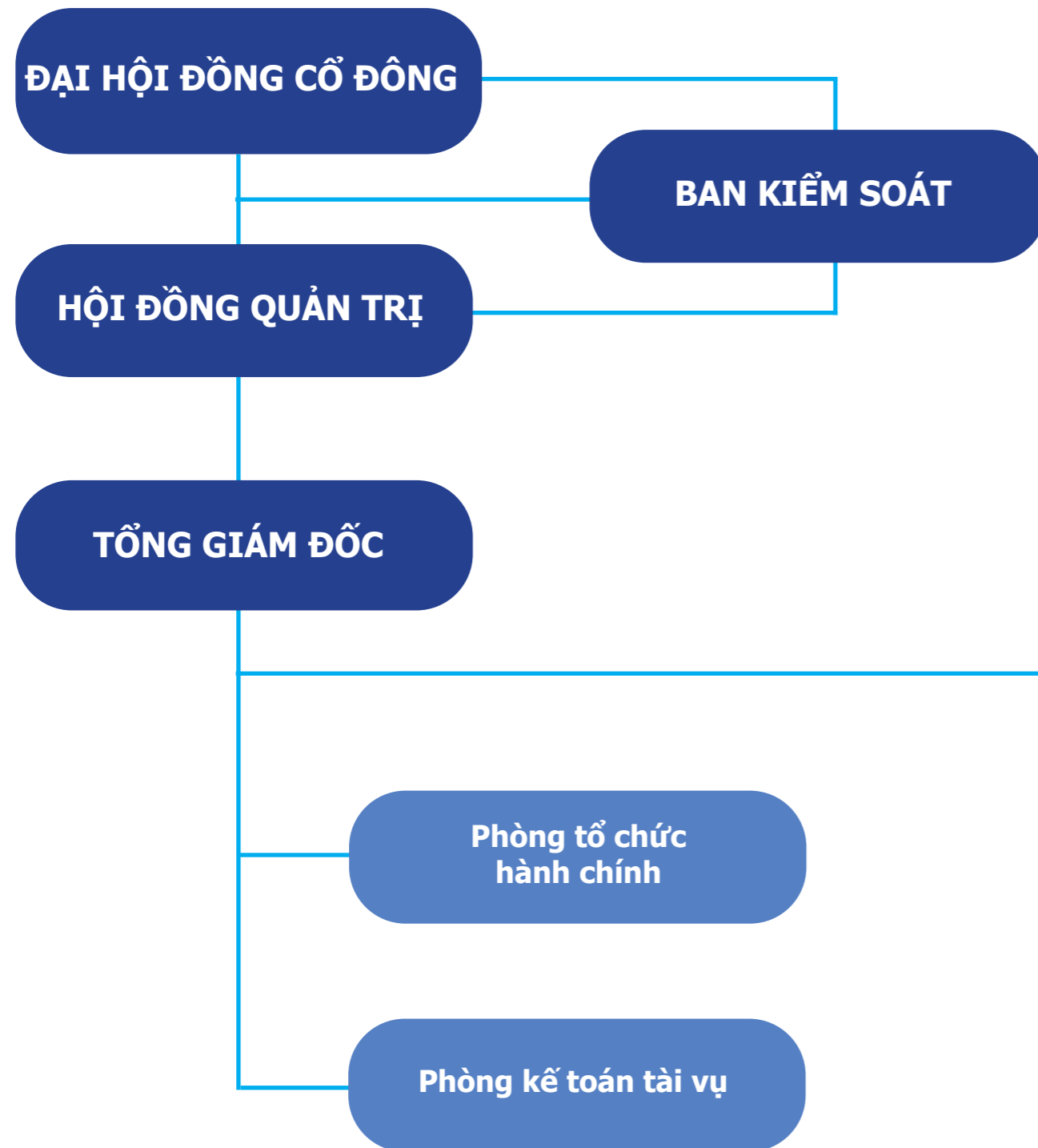


Địa bàn kinh doanh





Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Căn cứ theo Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020,

TRAWACO lựa chọn mô hình tổ chức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải

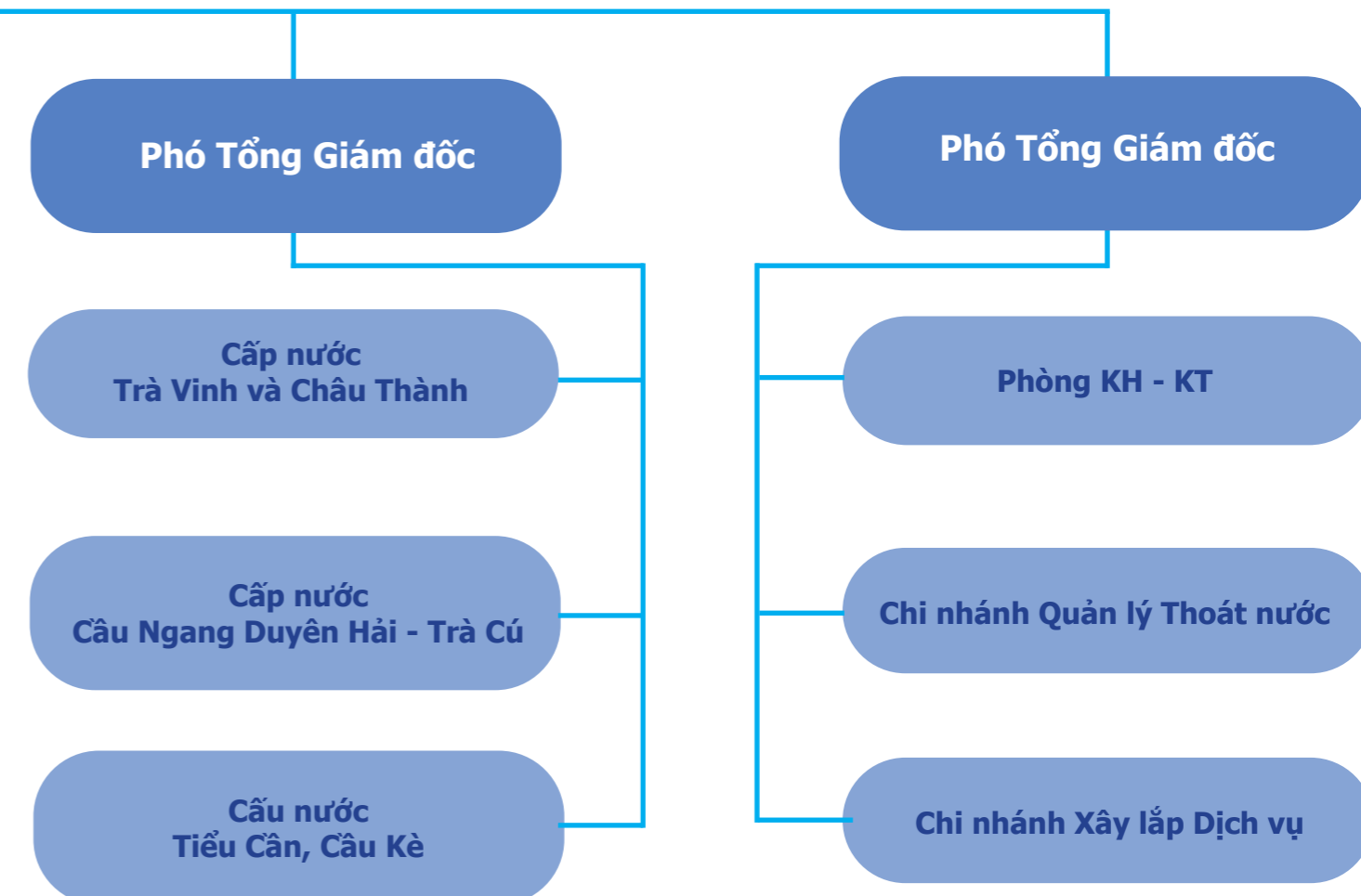
Địa chỉ: Số 521B, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 20%

Công ty không có Công ty con



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (tiếp theo)

Các xí nghiệp thành viên

Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ

Địa chỉ: 521B Nguyễn Chí Thanh, P. 6, TP. Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 126 – (0294) 3863 076



Nhà máy nước TP. Trà Vinh

Địa chỉ: 521B Nguyễn Chí Thanh, P. 6, TP. Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 125

Công suất: 28.500 m³/ngày đêm



Nhà máy xử lý nước thải TP. Trà Vinh

Địa chỉ: Ấp Rạch Kinh, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 02943761079

Công suất: 10.000m³/ngày đêm



Nhà máy nước Tiểu Cần - Cầu Quan

Địa chỉ: QL 60, Ấp Cầu Tre, X. Phú Cần, H. Tiểu Cần

Điện thoại: (0294) 3651 184

Công suất: 2.900 m³/ngày đêm



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (tiếp theo)

Các xí nghiệp thành viên (tiếp theo)

Trạm cấp nước Cầu Kè

Địa chỉ: 25 Trần Phú, TT. Cầu Kè, H. Cầu Kè.

Điện thoại: (0294) 3814 299

Công suất: 2.400 m³/ngày đêm



Nhà máy nước Cầu Ngang - Mỹ Long

Địa chỉ: 1, K. Thống Nhất, TT Cầu Ngang, H. Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3725 333

Công suất: 4.200 m³/ngày đêm



Nhà máy nước Duyên Hải

Địa chỉ: K. Long Thạnh, P.1, TX. Duyên Hải, H. Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3832 198

Công suất: 9.600 m³/ngày đêm



Nhà máy nước Trà Cú

Địa chỉ: Ấp Xoài Thum, X. Ngãi Xuyên, H. Trà Cú, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3874 119

Công suất: 2.600 m³/ngày đêm



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu

- Mở rộng thị trường cung cấp nước sạch đủ tiêu chuẩn (theo kế hoạch 5 năm).
- Mở rộng thị trường quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng dịch vụ thoát nước.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thực hiện tìm kiếm và lựa chọn đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị để liên kết, mang lại nhiều tiềm lực cho Công ty trong việc lập kế hoạch, phát triển mở rộng phạm vi hoạt động và điều hành.
- Đầu tư các thiết bị chuyên dụng, các kỹ thuật mới và hiện đại tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt nhất.

Phát triển bền vững với môi trường và xã hội

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu tiêu chuẩn của pháp luật về môi trường quy định.
- Dành một khoảng kinh phí nhất định để làm công tác xã hội hàng năm.
- Đề xuất chính sách giá cả hợp lý về sản phẩm nước sạch cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.
- Sử dụng quỹ phúc lợi cho người lao động một cách hợp lý.



Rủi ro trong quá trình hoạt động

Rủi ro hạ tầng

Là đơn vị kinh doanh ngành nước nên Công ty có liên quan mật thiết với các công trình hạ tầng, vì vậy rủi ro ở đây là tình trạng nâng cấp đô thị, sửa chữa làm mới cầu đường, xây dựng các công trình điều phát sinh rủi ro hư hỏng đường ống hoặc di dời đường ống dẫn đến thất thoát nước hoặc có thời gian ngưng cung cấp nước làm ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của người dân cũng như doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



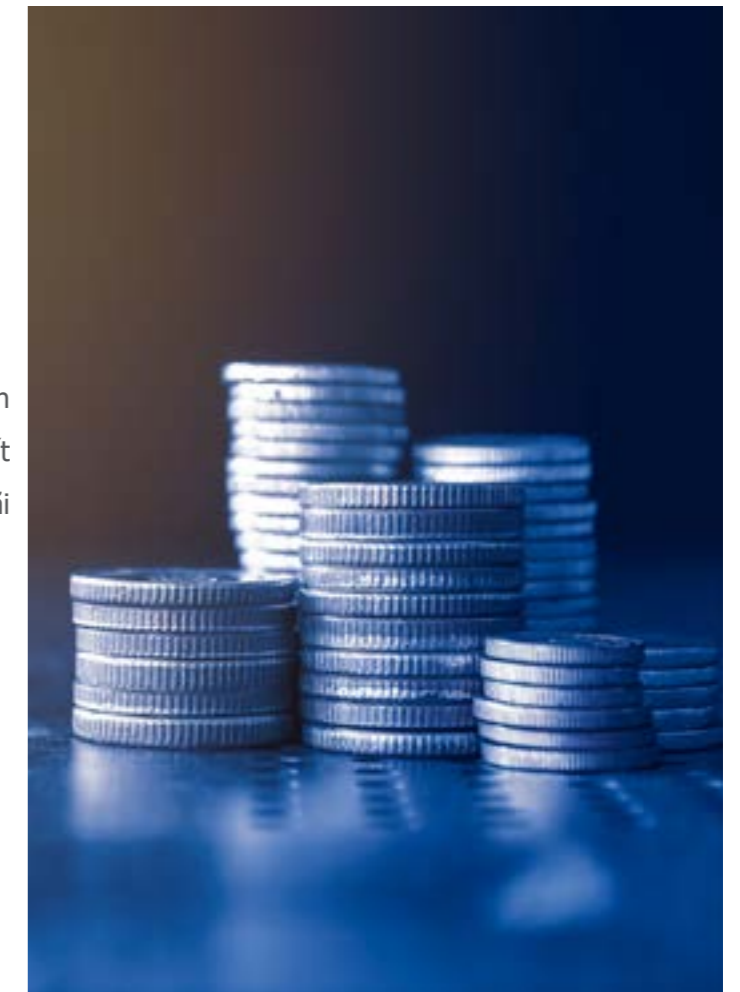
Rủi ro pháp luật

Nhiều chính sách chưa rõ ràng nên có những hiểu biết khác nhau giữa người thực hiện và người kiểm tra, gây bất lợi cho doanh nghiệp.



Rủi ro tiền tệ

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Trà Vinh nên Công ty sử dụng tiền Việt Nam đồng, do đó Công ty ít ảnh hưởng bởi chính sách tiền tệ, chỉ có rủi ro khi lãi suất tiền vay tăng đột biến.



Rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro thất thoát nước

Công ty chưa đủ tiềm lực trang bị hết đồng hồ cấp nước cũng như các vật tư thiết bị có tiêu chuẩn cao, nên tỷ lệ thất thoát nước qua đồng hồ, vật tư còn nhiều.



Rủi ro giá bán

Chính sách giá bán còn bất cập, ngành nước do nhà nước định giá nhưng khi Công ty lỗ mới được điều chỉnh tăng.

Rủi ro chi phí đầu vào

Công ty đang đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn khi một số chi phí đầu vào liên tục tăng, bao gồm chi phí vận chuyển, nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư ngành nước và hoá chất chuyên dụng. Ngoài ra, còn phát sinh thêm nhiều chi phí sản xuất khác như xử lý độ cứng và xét nghiệm nước theo tiêu chuẩn mới. Kể từ năm 2022 Công ty bắt đầu chịu ảnh hưởng lớn đến việc tăng giá nước sạch do Công ty mua lại từ 2 nhà máy nước mặt của tư nhân (bình quân 2,5%).



Rủi ro môi trường

Trong tương lai việc xâm nhập mặn có lẽ là rủi ro lớn nhất của công ty do chính sách sử dụng nước mặt thay nước ngầm, nên các công trình khai thác nước ngầm không được đầu tư theo kịp nhu cầu sử dụng của khách hàng khi nước mặt bị xâm nhập mặn.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, động đất, bão lụt,... cũng là vấn đề mà Công ty lo ngại. Tuy những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng một khi xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% TH2022/ KH2022	% TH2022/ TH2021
Doanh thu thuần	102.893	128.000	122.032	95,34%	118,60%
Lợi nhuận trước thuế	13.792	2.900	6.234	214,83%	45,18%
Lợi nhuận sau thuế	11.015	2.320	4.795	206,47%	43,47%

Nhận xét tình hình hoạt động kinh doanh 2022

Năm 2022 vừa qua, Doanh thu thuần của Công ty đã tăng 118,60% so với năm 2021 do nhu cầu sử dụng nước của toàn tỉnh Trà Vinh tăng lên. Tuy nhiên, chi phí vận chuyển, nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư ngành nước, hoá chất chuyên dụng, chi phí nhân công,... không giảm đáng kể, đặc biệt là chi phí mua nước mặt thành phẩm, trong khi công ty phải giảm công suất sản xuất nước sạch hơn 55% khiến cho Giá vốn hàng bán của Công ty đã tăng lên mức 89,2 tỷ vào năm 2022 làm cho Lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ bằng 43,47% so với năm 2021. Cụ thể, hiện nay Công ty mua nước mặt của Công ty cổ phần BOO nước Trà Vinh và Công ty TNHH MTV cấp nước Senco Trà Vinh, sản lượng mua nước của 2 nhà máy là 20.000m³/ngày đêm, làm tăng chi phí.

Năm 2022, Công ty đã đạt được mục tiêu kinh doanh đề ra. Do buộc phải mua nước mặt nên chi phí nước đầu vào của Công ty đã tăng lên, tuy nhiên, những tháng cuối năm 2022, giá nước đã được UBND Tỉnh Trà Vinh cho phép tăng lên đã giúp cho hoạt động của Công ty thuận lợi hơn, lợi nhuận sau thuế của Công ty vượt kế hoạch năm 2022.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2021	Giá trị năm 2022	%Năm 2022/2021
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	94.966	111.061	116,95%
Doanh thu thoát nước vỉa hè	6.314	8.317	131,72%
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	99	136	137,78%
Doanh thu xây lắp	908	1.620	178,41%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	607	899	148,11%



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	12.600	0,086%
3	Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.100	0,014%
4	Ngô Nhật Ngân	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-
5	Võ Hoàng Khương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	12.700	0,087%

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Trương Công Chiếm - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 21/09/1964

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 1984 – 1989: Nhân viên tại ban Nông nghiệp Thị xã Trà Vinh
- 1990 – 1992: Tổ trưởng tổ thuế nông nghiệp Chi cục thuế Trà Vinh
- 1992 – 1995: Sinh viên Trường Đại học Tài chính TP HCM
- 1998 – 2003: Trưởng phòng tại Phòng thu quốc doanh Cục thuế Trà Vinh
- 2003 – 2006: Trưởng phòng tại Phòng Quản lý doanh nghiệp Cục thuế Trà Vinh
- 2008 – 2010: Trưởng phòng tại Phòng Quản lý nợ Cục thuế Trà Vinh
- 2010 – 2016: Phó Giám đốc tại Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
- 2016 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị tại CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh.

***Ghi chú:** Đại diện UBND tỉnh Trà Vinh nắm giữ 3.649.465 cổ phiếu, tương ứng 25% vốn điều lệ.

Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ tại Công ty	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	-	29/06/2022
Ngô Nhật Ngân	Thành viên HĐQT không điều hành	29/06/2022	-

Ông Nguyễn Văn Quý - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 25/12/1965

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 12.600 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 1988 – 1992: Kế toán trưởng tại Chương trình nước Cửu Long
- 1992 – 1996: Kế toán trưởng tại Chương trình nước Trà Vinh
- 1996 – 1998: Phó Chủ nhiệm, Phó Giám đốc tại Trung tâm nước và vệ sinh môi trường tỉnh Trà Vinh
- 1998 – 2000: Phó Giám đốc tại Công ty Điện nước sinh hoạt nông thôn
- 2001 – 2010: Phó Giám đốc tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2011 – 2016: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2016 – 2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2018 – 2020: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2020 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh

***Ghi chú:** Đại diện UBND tỉnh Trà Vinh nắm giữ 3.573.508 cổ phiếu, tương ứng 23% vốn điều lệ.

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Ông Trương Hoàng Diệp - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/02/1970

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 2.100 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 1993 – 1994: Cán bộ kỹ thuật – Thẩm định hồ sơ thiết kế tại Sở Xây dựng Trà Vinh
- 1995 – 2001: Cán bộ kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án địa phương thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh
- 2002 – 2003: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh
- 2004 – 2011: Phó Giám đốc tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh
- 2012 – 2014: Phó Trưởng phòng Quản lý hoạt động xây dựng và chất lượng công trình tại Sở Xây dựng Trà Vinh
- 2014 – 2016: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2016 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh

***Ghi chú:** Đại diện UBND tỉnh Trà Vinh nắm giữ 2.531.051 cổ phiếu, tương đương 17,34% vốn điều lệ.

Ông Ngô Nhật Ngân - Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Ngày sinh: 06/04/1981

Trình độ: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT không điều hành

Chức vụ tại Công ty khác/ Tổ chức khác:

- Giám đốc điều hành, Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Đồng Bằng

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- Năm 2005 – 2010: Cán bộ kỹ thuật, Công ty TNHH Cấp nước Hà Lan
- Năm 2010 – 2013: Phó Giám đốc kỹ thuật, Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hoàn Mỹ Việt Nam.
- Năm 2013 – đến nay: Giám đốc điều hành, Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Đồng Bằng

***Ghi chú:** Đại diện Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng bằng nắm giữ 1.459.854 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Ông Võ Hoàng Khương - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 10/01/1982

Trình độ: Cử nhân Công nghệ sinh học - Thạc sĩ quản lý Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 12.700 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2002 – 2012: Nhân viên Trung Tâm Ứng Dụng Tiến Bộ Khoa Học và Công Nghệ tỉnh Trà Vinh
- 2012 – 2017: Nhân viên tổ xét nghiệm nước – Phòng Kỹ Thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2018 – 2019: Phó Giám đốc Chi nhánh Cấp nước thị xã Duyên Hải CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2019 – 2020: Phó Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải – Trà Cú
- 2020 – 2021: Phó Giám đốc Chi nhánh Quản lý thoát nước kiêm Quản đốc Nhà máy xử lý nước thải Thành phố Trà Vinh thuộc CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2020 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh

***Ghi chú:** Đại diện UBND Tỉnh Trà Vinh nắm giữ 2.481.636 cổ phiếu, tương đương 17% vốn điều lệ.

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Trần Diệp Xuân	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên Ban kiểm soát	1.300	0,009%

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông Nghiêm Ngọc Tiên - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 06/03/1965

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 1996 – 1997: Trưởng Ban tài chính tại UBND phường 1, Thị xã Trà Vinh
- 1998 – 2003: Phó phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố Trà Vinh
- 2004 – 2010: Trưởng phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố Trà Vinh
- 2011 – 2016: Trưởng phòng Quản lý giá & Công sản tại Sở Tài chính Trà Vinh
- 2016 – nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Ban kiểm soát (tiếp theo)

Bà Trần Diệp Xuân - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 24/03/1985

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 2008 – 2012: Kế toán viên tại Công ty Sản xuất Vật tư ngành in Mỹ Lan
- 2013 – nay: Kế toán Trưởng Công ty Sản xuất Vật tư ngành in Mỹ Lan
- 2016 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát tại CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh

Bà Nguyễn Thị Khỏe - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 20/02/1979

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2002 – 2008: Kế toán Vật tư Phòng Tài vụ
- 2009 – 2010: Kế toán Hóa đơn Phòng Kế hoạch – Kinh doanh
- 2010 – 2011: Kế toán Hóa đơn Phòng Tài vụ
- 2011 – 2014: Nhân viên Văn phòng Nhà máy nước
- 2014 – 2016: Nhân viên Điều phối Xí nghiệp Xây lắp
- 2016 – nay: Nhân viên Văn phòng Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ
- 2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh

Thay đổi trong Ban kiểm soát

Năm 2022, không có sự thay đổi nào trong Ban kiểm soát.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	12.600	0,086%
2	Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.100	0,014%
3	Võ Hoàng Khương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	12.700	0,087%
4	Đào Thiện Duyên	Kế Toán Trưởng	14.900	0,102%

Lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Quý - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Trương Hoàng Diệp - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Võ Hoàng Khương - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị



Ông Đào Thiện Duyên - Kế toán trưởng

Ngày sinh: 10/10/1970

Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Thạc sĩ Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 14.900 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 1992 – 1995: Kế toán vật tư Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh)
- 1995 – 2003: Kế toán tổng hợp Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh)
- 2003 – 2008: Kế toán trưởng CTCP Nước khoáng Samvi Trà Vinh
- 2009 – 2015: Kế toán trưởng Chi cục đăng kiểm Trà Vinh trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam
- 2015 – 2016: Phó phòng Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh
- 2018 – nay: Kế toán trưởng tại CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh

Thay đổi trong Ban điều hành

Năm 2022, không có sự thay đổi nào trong Ban điều hành.

Tình hình cán bộ nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	206	100%
Trên Đại học và Đại học	75	36,41%
Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	50	24,27%
Công nhân kỹ thuật	61	29,61%
Sơ cấp	1	0,49%
Lao động phổ thông	19	9,22%
Theo giới tính	206	100%
Nam	181	87,86%
Nữ	25	12,14%
Tổng cộng	206	100%

Chính sách về người lao động

Đào tạo

Định kỳ công ty cho tham dự chức các buổi huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng theo đặc thù từng nhóm công việc. Các buổi đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo theo đúng quy chế Công ty ban hành. Qua các buổi đào tạo, người lao động sẽ có cơ hội mở rộng kiến thức, kỹ năng. Công ty cũng thường xuyên tham gia các khóa đào tạo đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác theo quy định về quản trị của Công ty.

Tuyển dụng

Công tác tuyển dụng nhân sự là một công tác quan trọng quyết định chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Chính vì vậy, Công ty xây dựng quy chế tuyển dụng chặt chẽ và phù hợp. Kết quả tuyển dụng đảm bảo minh bạch, công bằng, giúp Công ty tìm kiếm và phát triển đội ngũ cán bộ có năng lực đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động	202	206
Thu nhập bình quân Người/ Tháng	10.110.000	9.100.000



Lương , thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Công ty xây dựng các chính sách chi trả lương, thưởng phù hợp với từng vị trí làm việc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước và quyền lợi đối với người lao động. Định kỳ, Công ty sẽ xem xét và tiến hành họp để ra quyết định tăng lương cho người lao động. Bên cạnh đó, người lao động được Công ty chi tiền ăn ca cao hơn quy định của nhà nước trong thời gian lao động và Công ty luôn đảm bảo an toàn lao động cho từng cá nhân trong Công ty.

Môi trường làm việc

Công ty luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, thời gian làm việc 8 tiếng/ngày. Công ty luôn chú ý và hoàn thiện tốt các yếu tố như thời gian làm việc, cơ sở vật chất, mối quan hệ giữa các cá nhân, ... nhằm nâng cao tinh thần và năng suất cho các cán bộ, nhân viên và người lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện để các nhân viên làm việc trên tinh thần làm việc nhóm, tăng tinh thần đoàn kết của công nhân viên.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Kết quả đầu tư xây dựng - phát triển sản xuất: đầu tư lắp đặt thiết bị phát hiện xử lý Clo rò rỉ, bình chứa khí Clo 930 Kg cho NMH TP. Trà Vinh; lắp đặt biến tần 132 Kw - Trạm CN Châu Thành, lắp đặt hệ thống quang trắc tự động,...; Phát triển mạng phân phối.

Thi công 50.508 mét tuyến ống các loại, đường kính từ D63 - D500 (51/53 tuyến), với tổng giá trị dự toán hơn 21,48 tỷ đồng (có phát sinh ngoài kế hoạch năm 2022).

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải

Địa chỉ: Số 521B, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 20%

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên doanh nghiệp	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	1,2	-0,6	-0,6

Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên doanh nghiệp	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Tổng giá trị tài sản	314,8	313,8	99,68%
Doanh thu thuần	102,9	122,0	118,56%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13,6	6,1	44,85%
Lợi nhuận khác	0,158	0,153	96,84%
Lợi nhuận trước thuế	13,8	6,2	44,92%
Lợi nhuận sau thuế	11,0	4,8	43,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	1%	33,3%

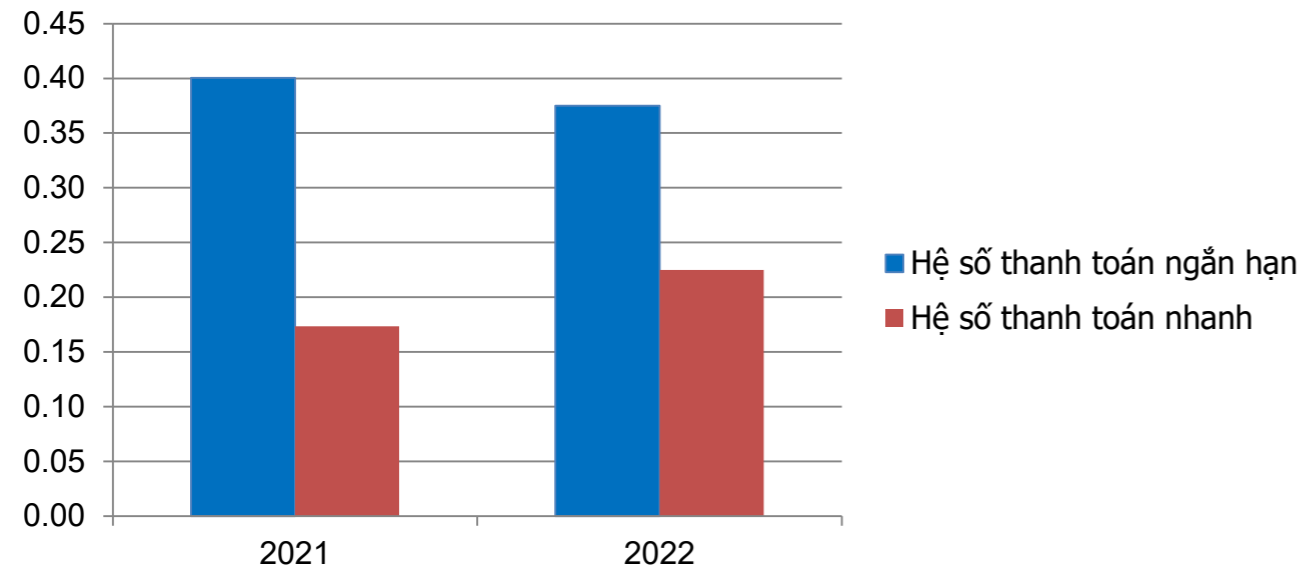
Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,40	0,38
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	44,80	45,55
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	81,16	83,67
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,23	5,81
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,33	0,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,71%	3,93%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,34%	2,81%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,50%	1,53%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	13,25%	4,98%

Tình hình tài chính (tiếp theo)

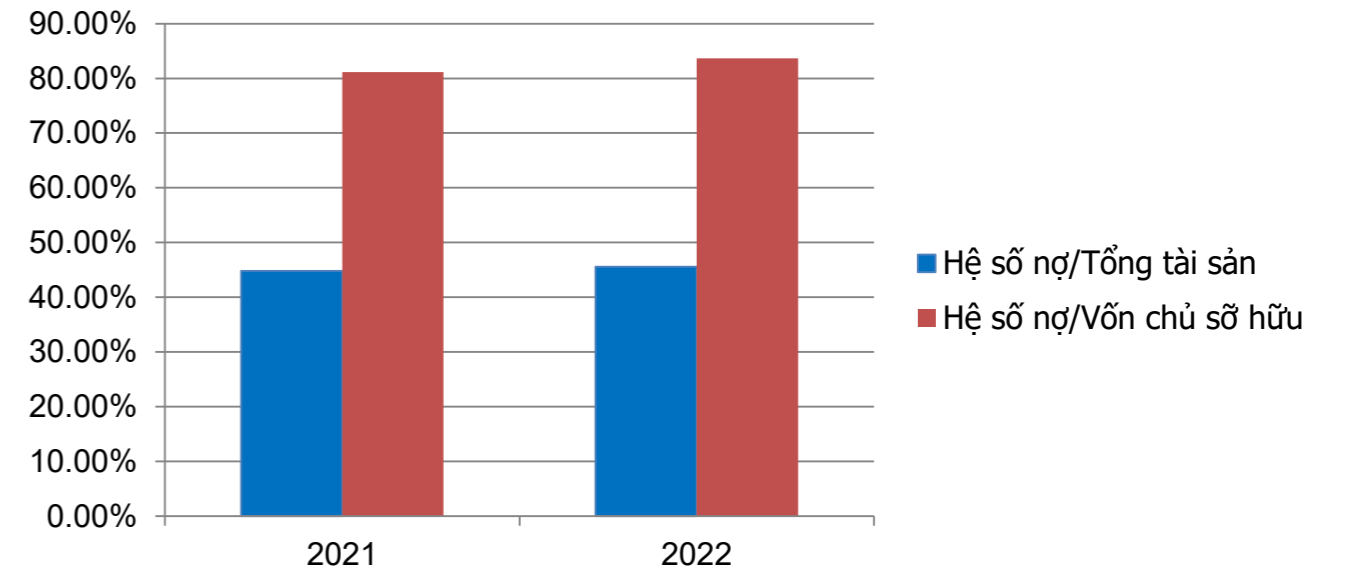
Nhận xét các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty không thay đổi nhiều giữa năm 2021 và năm 2022. Hệ số thanh toán nhanh trong năm 2022 đã tăng lên mức 0,22 lần so với mức 0,17 lần vào năm 2021. Hệ số này tăng lên chủ yếu là do Hàng tồn kho của Công ty đã giảm từ mức 17,2 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 13,2 tỷ đồng vào năm 2022, nguyên nhân là Công ty đã nâng cấp hệ thống xử lý nước nên tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu xử lý nước, từ đó giảm được lượng hàng tồn kho.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty không có quá nhiều biến động giữa năm 2021 và năm 2022. Xét về cơ cấu, Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu không có quá nhiều biến động giữa 2 năm, tuy nhiên về Nợ phải trả có nhiều biến động.

Nợ ngắn hạn của Công ty đã tăng lên mức 90,4 tỷ vào năm 2022 so với năm 2021 là 75,7 tỷ. Trong đó, phần tăng mạnh nhất là khoản phải trả người bán ngắn hạn trong năm 2022 đã tăng 179,98% so với năm 2021, đạt mức 18,4 tỷ đồng. Nguyên nhân là do Công ty tiến hành chủ yếu là xây dựng và nâng cấp hệ thống.

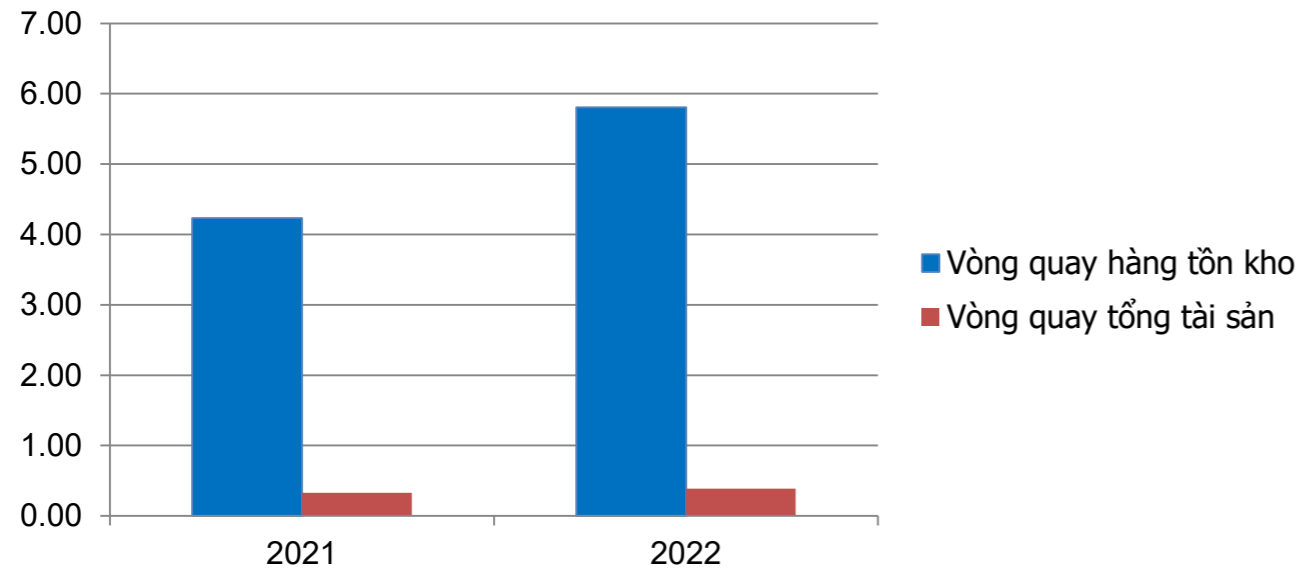
Nợ dài hạn của Công ty đã giảm từ mức 65,4 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 52,5 tỷ đồng vào năm 2022. Phần giảm chủ yếu đến từ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã giảm từ mức 63,2 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 50,3 tỷ đồng vào năm 2022 do Công ty đã tiến hành thanh toán nợ theo lộ trình từ năm 2018.



Tình hình tài chính (tiếp theo)

Nhận xét các chỉ tiêu tài chính (tiếp theo)

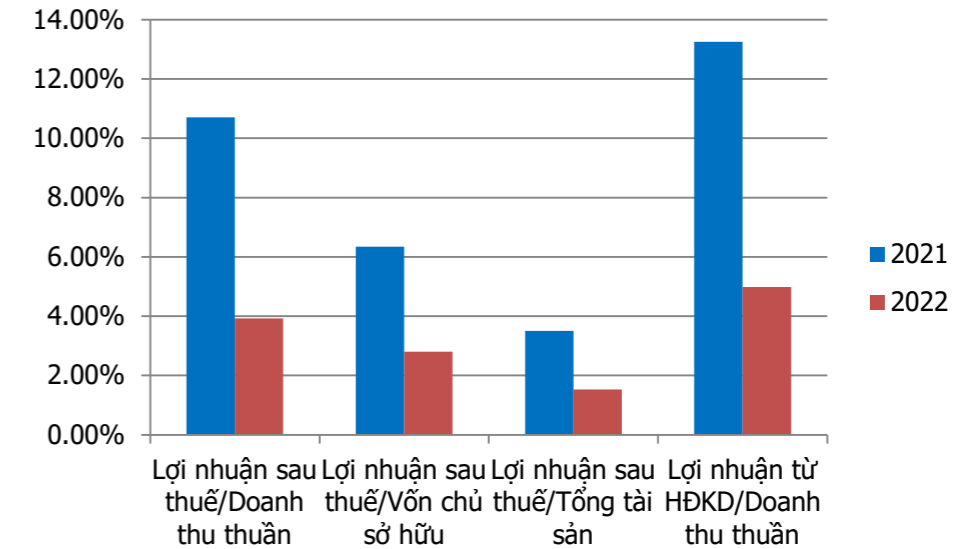
Chỉ tiêu năng lực hoạt động



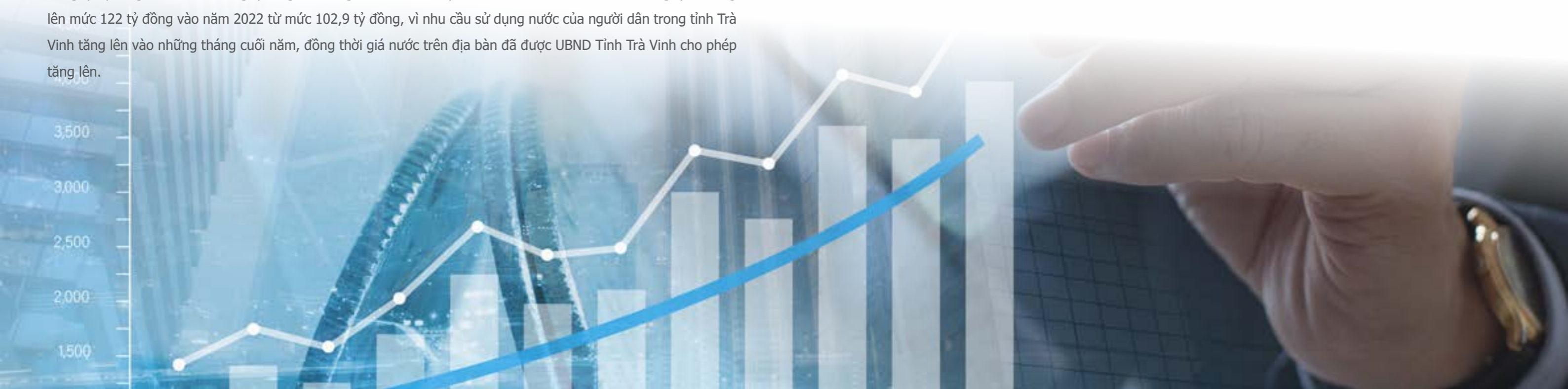
Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã tăng lên mức 5,81 vòng vào năm 2022 từ mức 4,23 vòng vào năm 2021. Chỉ số này tăng lên chủ yếu là do Giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2022 đã tăng 135,11% so với năm 2021, đạt mức 89,2 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty tiến hành tính khấu hao chi phí nâng cấp vào giá vốn hàng bán.

Vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng lên trong năm 2022 chủ yếu là do Doanh thu thuần của Công ty đã tăng lên mức 122 tỷ đồng vào năm 2022 từ mức 102,9 tỷ đồng, vì nhu cầu sử dụng nước của người dân trong tỉnh Trà Vinh tăng lên vào những tháng cuối năm, đồng thời giá nước trên địa bàn đã được UBND Tỉnh Trà Vinh cho phép tăng lên.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Hầu hết các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đã giảm vào năm 2022. Nguyên nhân là do Lợi nhuận sau thuế và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 chỉ bằng khoảng 50% so với năm 2021. Do phải mua nước mặt nên Công ty giảm khai thác sản lượng nước ngầm nhưng chi phí nhân công, hóa chất, khấu hao giảm không đáng kể dẫn đến Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty giảm.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.597.860 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.597.860 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu



Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	UBND Tỉnh Trà Vinh	12.019.660	82,34%
2	CTCP Nước và Môi trường Đồng Bằng	1.459.854	10,00%
3	CTCP Rynan Technologies	740.149	5,08%

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	12.019.660	120.196.600.000	82,34%
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	2.200.000	22.000.000.000	15,07%
1	Trong nước	2.200.000	22.000.000.000	15,07%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	378.200	3.782.000.000	2,59%
1	Trong nước	378.100	3.781.000.000	2,59%
2	Nước ngoài	100	1.000.000	0,00%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		14.597.860	145.978.600.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Công ty không thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu kể từ năm 2018 đến năm 2022, vốn đầu tư chủ sở hữu của Công ty được duy trì ở mức 145.978.600.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2022.

Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2022.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động đến môi trường

Công ty sử dụng các hóa chất keo tụ trợ lắng như PAC 30%, phèn chua, phèn sắt và chất ngăn ngừa sự xuất hiện, sinh sản của vi trùng, vi tảo, Clorine,... đây là những hóa chất gây nguy hại cho môi trường khi không được kiểm soát tốt trong quá trình sử dụng, đặc biệt là Clorine. Biết được những vấn đề đó, Công ty luôn luôn kiểm soát tốt các loại hóa chất, sử dụng các loại hoá chất này theo đúng quy trình, nghiệp vụ. Công ty đã đầu tư lắp đặt thiết bị phát hiện xử lý Clorine rò rỉ, hạn chế nguy cơ để hóa chất này gây nguy hại đến môi trường, không gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái cũng như đời sống của người dân.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

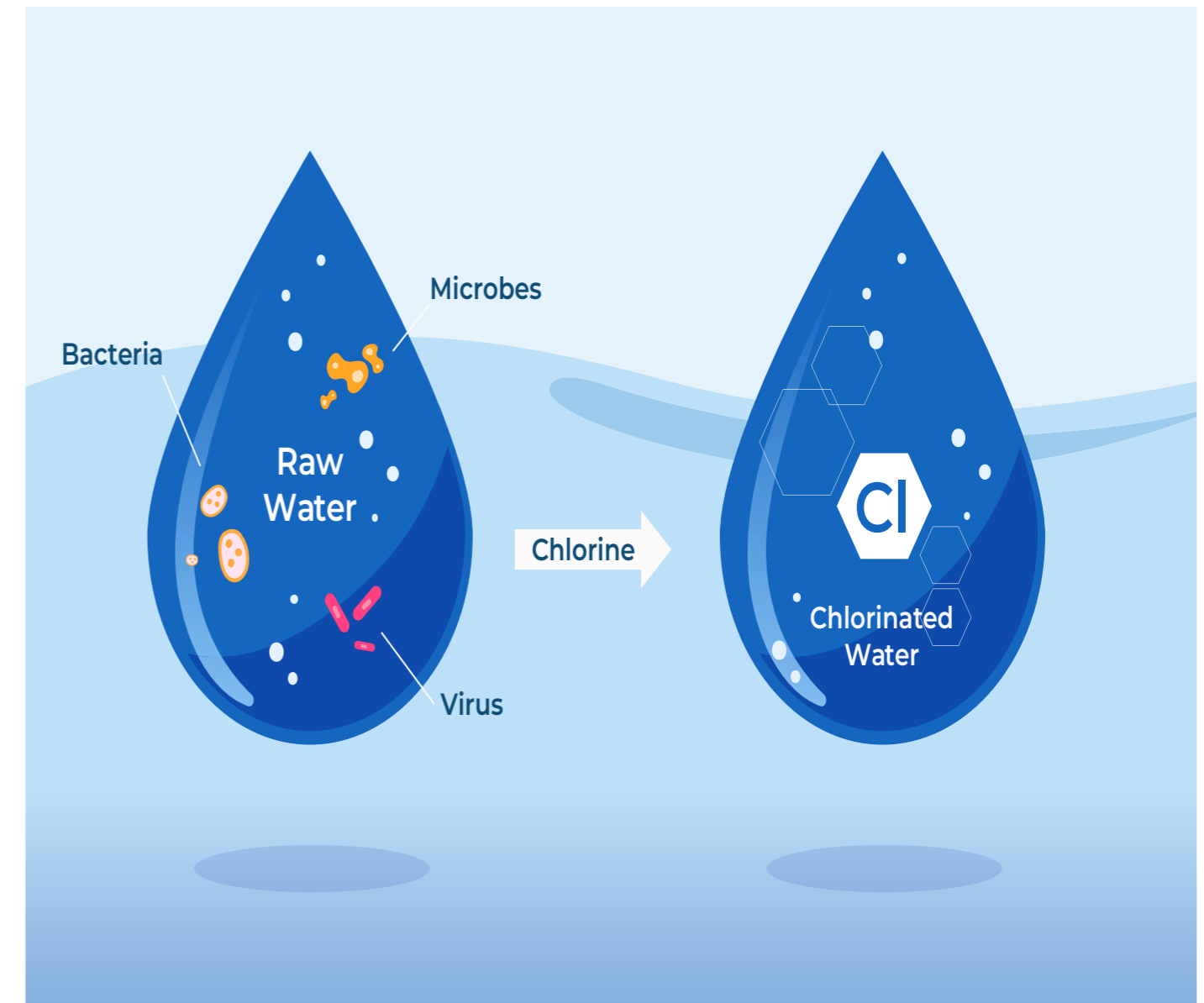
Việc sử dụng hoá chất chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí nguyên vật liệu sản xuất, do đó Công ty dựa vào định mức tiêu hao của tỉnh đã thiết lập định mức sử dụng tỷ lệ hóa chất, để tối ưu hóa chi phí và đảm bảo lợi nhuận.

Đồng thời, Công ty luôn chú trọng đến việc lựa chọn đối tác cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy, nhằm giảm thiểu rủi ro mua phải hàng kém chất lượng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng.

Công ty có xe chuyên dụng chở vật tư, hóa chất chuyên dụng, có kho dự trữ hóa chất đủ chuẩn.

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu để phục vụ cho sản xuất, một phần nhỏ để vận hành khối văn phòng của Công ty. Nhờ có điện năng mà quá trình sản xuất của Công ty sẽ được tự động hóa hiện đại và hoạt động một cách trơn tru. Xăng dầu chỉ sử dụng khi hệ thống bị cúp điện. việc sử dụng điện và nhiên liệu khác công ty đã đặt chế độ an toàn trong sử dụng lên cao, có kỹ sư điện thường xuyên kiểm tra và sửa chữa bảo trì.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Tiêu thụ nước

Công ty, đã thiết kế việc tái sử dụng hiệu quả nguồn nước trong sản xuất theo hệ thống sản xuất tuần hoàn, việc tiêu thụ nước cho tiêu dùng công ty rất hạn chế và gắn đồng hồ sử dụng riêng để đo kiểm.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc việc xử lý môi trường đúng quy định, không để xảy ra tình trạng bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty không chỉ hoạt động tốt trong lĩnh vực của mình mà còn thể hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương. Công ty đã hỗ trợ, tài trợ cũng như từ thiện cho các hoàn cảnh khó khăn trong tỉnh. Công ty công bố thông tin lịch hoạt động liên qua đến người dân địa phương như cúp nước, sửa chữa đường ống, xúc bể,... cho người dân nhằm giúp họ lên kế hoạch trước, không gây bất tiện trong sinh hoạt.



A large, dynamic splash of clear blue water dominates the left side of the slide, with droplets and ripples extending across the bottom. The background is a soft, light blue gradient.

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khó khăn

- Việc xử lý chất lượng nước theo quy chuẩn Quốc gia về nước ăn uống còn nhiều khó khăn do chi phí cao, làm cho giá nước cao. Nhưng phần lớn nước người dân sử dụng cho mục đích ăn uống lại ít, chủ yếu nước cho sinh hoạt khác như tắm giặt, tưới tiêu, vệ sinh chuồng trại, rửa xe,... chính vì vậy người dân phản ánh giá nước còn cao.
- Một số trạm cấp nước thị trấn do đầu tư nâng cấp, tỷ lệ khai thác còn thấp vẫn bị thua lỗ (Duyên Hải, Trà Cú, Tiểu Cần).
- Năm 2022, theo dự án được UBND tỉnh Trà Vinh duyệt, phải giảm sản xuất nước ngầm mà phải mua nước thành phẩm từ nguồn nước mặt để phân phối lại cho khách hàng nên làm tăng chi phí đầu vào (chi phí mua nước là 31,9 tỷ đồng); chi phí phát sinh hỗ trợ người lao động ảnh hưởng bởi Covid - 19 và trang thiết bị y tế phòng chống dịch tăng; Giá cả tăng cũng tác động làm tăng chi phí trong giá thành sản xuất kinh doanh
- Tỷ lệ thất thoát nước cao hơn so với kế hoạch (tăng hơn 2,76%), nhất là nhà máy nước thành phố Trà Vinh (tăng 3,89%).
- 09 tháng đầu năm do chưa được duyệt tăng giá nước máy khi đã tiếp nhận mua nước mặt thành phẩm nên tình hình tài chính Công ty gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của người lao động, cũng như của các cổ đông.
- Việc quản lý vận hành nhà máy Xử lý nước thải, Công ty ứng tiền trước thanh toán các chi phí vận hành thực tế năm 2022. UBND tỉnh Trà Vinh chậm thanh toán chi phí cho Công ty; Hợp đồng nạo vét khối lượng thực hiện của năm 2022 giảm hơn 01 tỷ đồng so với năm 2021; Công tác nạo vét cống trong trung tâm thành phố Trà Vinh triển khai chậm và chưa nhận được hợp đồng thi công nên làm mất một khoảng doanh thu nhất định.
- Cửa hàng mua bán vật tư ra đời hoạt động không có hiệu quả.

Thuận lợi

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ổn định nên hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của của người dân, các nhà máy, các khu công nghiệp trở lại bình thường. Các chỉ tiêu sản lượng nước sản xuất, tiêu thụ tăng so với cùng kỳ và so với kế hoạch.
- Công ty tiếp nhận mua nước thành phẩm từ 2 nhà máy nước mặt (công suất 10.000 m³/ngày đêm/nhà máy), tăng được áp lực cho khu vực Long Đức, Basi, Base, Nguyệt Hóa và giải quyết được vấn đề thiếu nước vào dịp Tết âm lịch cho thành phố Trà Vinh.
- Sản lượng nước sản xuất, tiêu thụ tăng hơn 7 % so với cùng kỳ năm 2021.
- Các quy trình, quy định trong quản lý điều hành đã được ban hành là cơ sở pháp lý để Công ty thực hiện.
- Đội ngũ cán bộ quản lý trong thời gian qua với sự tự giác nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện công việc đã phát huy các kinh nghiệm đạt được nâng cao năng lực quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Được sự ủng hộ của các ban ngành liên quan và chủ sở hữu kịp thời tháo gỡ những vướng mắc giúp Công ty hoàn thành nhiệm vụ được giao, như: giá nước, giải phóng mặt bằng, quản lý tài nguyên nước,...
- UBND tỉnh Trà Vinh đã ban hành tăng giá nước (tháng 10/2022) giải quyết nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh của Công ty.



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Những tiến bộ đã đạt được

- Thực hiện theo phương châm của năm 2022 “Nêu gương - Trách nhiệm - Quyết tâm- Đột phá”, đội ngũ cán bộ quản lý trong thời gian qua với sự tự giác nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện công việc, đã phát huy các kinh nghiệm đạt được, nâng cao năng lực quản lý để hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Năng động, tích cực, thường xuyên liên hệ với các đơn vị hữu quan, địa phương để phát triển tuyến ống, phát triển khách hàng, hợp đồng nạo vét cống,...
- Nỗ lực trong việc xây dựng và bảo vệ giá nước mới, tháo gỡ khó khăn của Công ty.
- Thực hiện “Trên làm gương mẫu mực, dưới tích cực làm theo”, đoàn kết, quyết tâm trong công việc nhằm vượt qua những khó khăn.



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	30,3	9,63%	33,9	10,80%	111,88%
Tài sản dài hạn	284,5	90,37%	279,9	89,20%	98,38%
Tổng tài sản	314,8	100,00%	313,8	100,00%	99,68%

Tổng tài sản của Công ty không thay đổi nhiều giữa năm 2021 và năm 2022. Tài sản ngắn hạn và dài hạn cũng không có nhiều biến động. Điểm đáng lưu ý nhất là, Tiền và các khoản tương đương tiền trong năm 2022 đã tăng lên mức 7,7 tỷ đồng so với mức 1,1 tỷ đồng vào năm 2021. Do Công ty tăng giá nước vào tháng 10/2022, hạn chế thông qua trả vay nợ để đầu tư của 2 dự án cấp nước thị trấn Duyên Hải và cấp nước Tiểu Cần – Cầu Quan.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	75,7	53,62%	90,4	63,22%	119,58%
Tài sản dài hạn	65,4	46,38%	52,5	36,78%	80,28%
Tổng tài sản	141,0	100%	143,0	100,00%	101,42%

Tổng nợ phải trả của Công ty không có quá nhiều biến động giữa năm 2021 và năm 2022. Tuy nhiên, cơ cấu trong Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn có sự thay đổi lớn. Nợ ngắn hạn của Công ty đã tăng lên mức 90,4 tỷ vào năm 2022 so với năm 2021 là 75,7 tỷ. Trong đó, phần tăng mạnh nhất là Phải trả người bán ngắn hạn trong năm 2022 đã tăng 180,39% so với năm 2021, đạt mức 18,4 tỷ đồng. Nguyên nhân là do Công ty tiến hành xây dựng và nâng cấp hệ thống nhưng chưa thanh toán cho người bán.

Nợ dài hạn của Công ty đã giảm từ mức 65,4 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 52,5 tỷ đồng vào năm 2022. Phần giảm chủ yếu đến từ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã giảm từ mức 63,2 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 50,3 tỷ đồng vào năm 2022 do Công ty đã tiến hành thanh toán nợ theo lộ trình từ năm 2018.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước do sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương hướng nhiệm vụ: Phát huy những thuận lợi năm 2022, duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí tiết kiệm nguyên vật liệu trong kinh doanh, mở rộng thị trường, tăng khách hàng, phát triển nguồn nhân lực đào tạo đội ngũ người lao động đủ trình độ, tích cực tham gia đóng góp hoạt động xã hội.

Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu: Nước sản xuất: 16.030.816 m³; Nước tiêu thụ: 13.674.296 m³; Tổng doanh thu: 145.543 triệu đồng; Tổng chi phí: 132.651 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế: 12.892 triệu đồng; Bình quân thu nhập lớn hơn 8.000.000 đồng, Cổ tức vào năm 2023 là 3%.

Giải pháp thực hiện: Tập trung phát triển khách hàng, khảo sát tiềm năng phát triển khách hàng; triển khai thực hiện tốt kế hoạch chống thất thu tiền nước; chi nhánh mua bán vật tư phải linh hoạt trong kinh doanh; Tăng cường công tác phòng chống thất thoát nước nhằm giảm tỷ lệ hao hụt; Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng; Tiếp tục thực hiện các giải pháp giải quyết khó khăn tình hình tài chính.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với những ý kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Tổng Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc thấy các hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty đúng với kế hoạch mà Ban Tổng Giám đốc đề ra, hoạt động theo đúng quy định, chủ trương của Chính phủ và phù hợp với xu hướng của thế giới hiện tại. Công ty đã xử lý tốt các chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, không gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và đời sống của dân cư xung quanh. Các sản phẩm của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chất lượng và hoàn toàn thân thiện với môi trường.



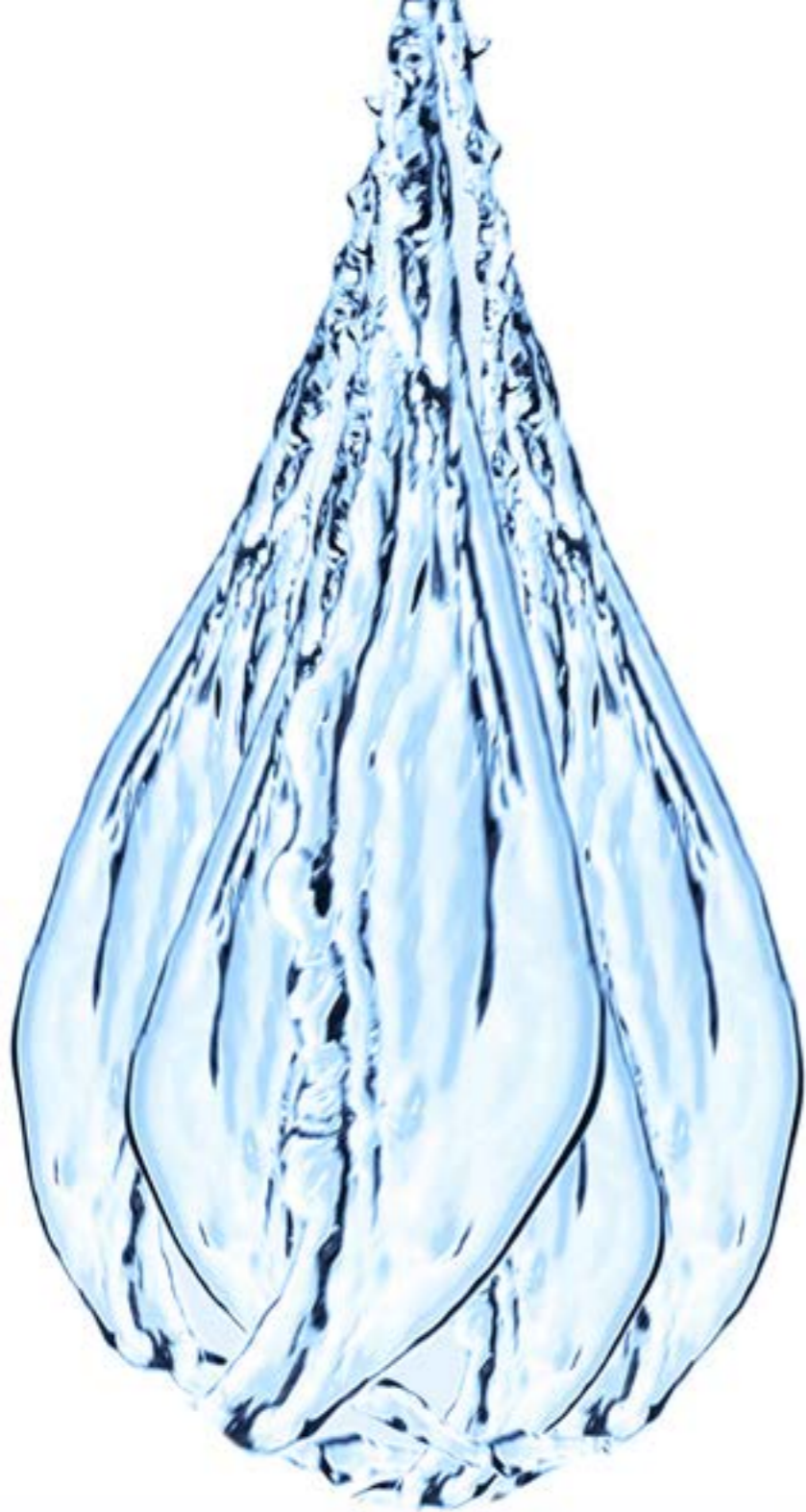
Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với là cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình, tổ chức gặp khó khăn đã không chỉ thể hiện một hình ảnh tốt đẹp của chính Công ty mà còn thể hiện Công ty là một chỗ dựa vững chắc cho các cộng đồng địa phương. Công ty cũng tuyển dụng các lao động tại địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho họ. Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức các buổi hội thảo nhằm nâng cao tay nghề của những người nông dân tại địa phương cũng như trên cả nước.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2022 nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các vấn đề liên quan đến công tác người lao động được xử lý tốt. Vấn đề tuyển dụng, đào tạo được thực hiện tốt. Các chính sách về bảo hiểm, an toàn lao động, lương thưởng của người lao động được chúng tôi đánh giá cao. Công ty đã tạo ra được môi trường hoạt động lành mạnh, công bằng và văn minh, ngoài ra Công ty cũng tổ chức các buổi liên hoan, các hoạt động đoàn thể nhằm giải tỏa căng thẳng và tăng tính đoàn kết cho người lao động.





Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị chúng tôi đánh giá Công ty đã hoạt động tốt ở mặt hoạt động kinh doanh chính, hoàn thành xuất sắc kế hoạch đã đề ra. Các công tác về đào tạo, tuyển dụng và chính sách của người lao động trong Công ty được chúng tôi đánh giá là làm đúng, làm đủ và kịp thời. Đối với các hoạt động trong vấn đề bảo vệ môi trường, Hội đồng quản trị thấy công ty đã làm đúng theo quy định của Chính phủ. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá Công ty đã hoàn thành tốt về các mặt hoạt động, trách nhiệm môi trường xã hội và các chính sách đối với người lao động. Công tác trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông cũng như các sự kiện khác cũng được chúng tôi đánh giá là tốt.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị chúng tôi đánh giá rằng Ban điều hành và tập thể người lao động đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đề ra. Các hoạt động liên quan đến tiêu thụ năng lượng, chính sách người lao động, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội đều được Ban điều hành làm tốt. Các hoạt động kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và điều hành được Ban điều hành thực hiện đúng và đủ. Chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp và nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động trong năm 2022 vừa qua.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Về cơ bản, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo Công ty củng cố và phát triển thị trường trong là ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao thị phần, mở rộng thị trường, tăng lượng khách hàng. Năm 2023 được dự báo là một năm tăng trưởng của thị trường Việt Nam nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng những vẫn có nhiều thách thức, nên Hội đồng quản trị chúng tôi sẽ tích cực phối hợp với Ban điều hành và Ban kiểm soát nhằm đưa ra những kế hoạch, định hướng mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.





05

Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành quản lý, chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Công ty, theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các Nghị quyết chỉ đạo của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá, nhận xét cụ thể như sau:

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
- Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và hoạt động của doanh nghiệp.
- Định kỳ hàng Quý, 06 tháng Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo, bao quát chung và phân công cho các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về từng lĩnh vực công tác cụ thể. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc có tầm ảnh hưởng, liên quan đến hoạt

động chung của Công ty đều được Ban lãnh đạo điều hành tập trung trí tuệ tập thể để giải quyết, vì thế hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh luôn đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

- Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên trong ban lãnh đạo đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm chỉnh cơ chế, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty.

Hoạt động của Tiểu ban Chính sách phát triển thuộc Hội đồng quản trị:

Thực hiện Quyết định thành lập Tiểu ban Chính sách phát triển (CSPT) ngày 08/04/2021 và các quyết định về nhân sự của Tiểu ban, trong năm 2022 Tiểu ban đã có những hoạt động như sau:

- Tiếp tục đóng góp cho dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2022 – 2026 của Công ty.
- Tham gia chỉnh sửa các quy chế quản lý của Công ty như: Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ,...
- Tham mưu soạn thảo và đóng góp văn bản về xin chủ trương hợp nhất hai đơn vị cấp nước trong tỉnh Trà Vinh (Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Trà Vinh và Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn).

* Kết thúc nhiệm kỳ của Tiểu ban vào ngày 29/06/2022 theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.



Hoạt động của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trương Công Chiếm	5/5	100%
2	Nguyễn Văn Quý	5/5	100%
3	Trương Hoàng Diệp	5/5	100%
4	Huỳnh Văn Nhân	5/5	100%
5	Võ Hoàng Khương	5/5	100%



Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
Các Nghị quyết			
1	02/NQ-HĐQT	18/01/2022	<p>1. Thống nhất Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 (Kèm theo bảng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021)</p> <p>2. Phê duyệt các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD và phát triển năm 2022 (Theo tờ trình số 811/TTr-CTN ngày 30/12/2021 của Tổng Giám đốc).</p> <p>3. Thống nhất chi tiền thưởng ứng trước năm 2021 cho Người quản lý 01 tháng lương thực lĩnh/người, Người lao động: 1,5 tỷ đồng, tương đương 1,5 tháng lương cơ bản/người. Riêng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không hưởng lương của Công ty sẽ được chi 01 tháng thù lao/người từ Quỹ thưởng của Người quản lý.</p> <p>4. Thống nhất phê duyệt cho Người lao động xin nghỉ trước tuổi hưu được hưởng chính sách ưu đãi theo Quy chế về chính sách ưu đãi của Công ty đối với Ông Lê Văn Khương. Thời gian nghỉ: Kể từ ngày 01/02/2022.</p> <p>5. Thống nhất thời gian tổ chức Hội nghị người lao động Công ty năm 2022 vào ngày 27/01/2022 (Trước Tết nguyên đán 2022).</p> <p>6. Thống nhất việc sửa đổi Điều 4 của Quy chế về Chính sách ưu đãi đối với người lao động xin nghỉ trước tuổi về hưu (Theo Tờ trình số 42/TTr-CT ngày 17/01/2022 của Tổng giám đốc).</p>
2	03/NQ-HĐQT	18/01/2022	<p>- Miễn nhiệm chức vụ Trợ lý Chủ tịch kiêm Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh đối với Bà Đặng Thị Bích Thủy.</p> <p>Lý do: Theo nguyện vọng cá nhân và đơn xin nghỉ trước tuổi về hưu theo chính sách ưu đãi của công ty ngày 05/01/2022 của Bà Đặng Thị Bích Thủy.</p> <p>Thời gian: Kể từ ngày 01/03/2022.</p>
3	04/NQ-HĐQT	18/01/2022	<p>- Bổ nhiệm Ông Phan Huỳnh - Giám đốc Chi nhánh cấp nước Tiểu Cần – Cầu Kè, giữ chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Thời gian bổ nhiệm: Tối đa không quá 05 năm, kể từ ngày 01/03/2022.</p>
4	08/NQ-HĐQT	03/03/2022	<p>- Bổ nhiệm lại Ông Trương Hoàng Diệp - Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh - Nhiệm kỳ không quá 05 năm, kể từ ngày 13/12/2021.</p>

Hoạt động của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
5	14/NQ-HĐQT	12/04/2022	<p>1. Thống nhất Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện Nghị quyết; Báo cáo kết quả SXKD Quý I/2022 và kế hoạch SXKD quý II/2022 (Kèm theo các báo cáo: số 183/BC-CTN ngày 08/04/2022, số 184/BC-CTN ngày 08/04/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>2. Thống nhất thời gian gia hạn tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2021 để bầu TV HĐQT và TV BKS cho nhiệm kỳ 2022-2026 cùng với ĐHCĐ thường niên năm 2022 chậm nhất là trước ngày 30/06/2022.</p> <p>3. Thống nhất nhân sự để bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2022 - 2026 theo quy định Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Thống nhất điều chỉnh chi tiêu nội bộ đối với chi phí như sau: (Kèm theo Tờ trình số 150/TTr-CTN ngày 21/3/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>- Chi tiền ăn giữa ca: theo quy chế là 50.000 đồng/người/ngày làm việc để nghị giảm đúng theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Mức phụ cấp tiền ăn ca là 730.000 đồng/người/tháng. Thời gian thực hiện từ nay 01/05/2022.</p> <p>- Chi khoán nước uống của các đơn vị trực thuộc theo quy chế là 100.000 đồng/người/tháng để nghị giảm còn 50.000 đồng/người/tháng. Thời gian thực hiện từ năm 2022.</p> <p>- Chi phí tiếp khách giao dịch và đối ngoại thường xuyên của người quản lý giảm 50% mức khoán theo quy chế. Thời gian thực hiện từ nay 01/05/2022.</p> <p>5. Thống nhất phê duyệt bổ sung các tuyến ống phát sinh vào kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối cấp nước năm 2022 (Kèm theo Tờ trình số 171/TTr-CTN ngày 05/04/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>6. Thống nhất Phê duyệt Tổng quỹ lương thực hiện năm 2021 và Kế hoạch lương năm 2022 của người quản lý và người lao động (Kèm theo Tờ trình số 181/TTr-CTN ngày 07/04/2022 và Tờ trình số 182/TTr-CTN ngày 07/04/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>7. Thông qua báo cáo quyết toán đầu tư xây dựng phát triển các tuyến ống phân phối và mua sắm tài sản năm 2021 (Kèm theo Tờ trình số 180/TTr-CTN ngày 07/04/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>8. Thống nhất gia hạn hạn mức tín dụng vốn lưu động (Theo Tờ trình số 179/TTr-CTN ngày 07/04/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>9. Thống nhất chi tiền lễ 30/04 & 01/05 năm 2022 cho Người quản lý và người lao động là 2.000.000 đồng/người.</p> <p>10. Thống nhất chủ trương hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà tình nghĩa theo đơn xin hỗ trợ nhà ở ông Nguyễn Thanh Vũ ấp rạch, xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang; thực hiện chi hỗ trợ khi Công ty có điều kiện về tài chính.</p>

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
5	14/NQ-HĐQT	12/04/2022	<p>11. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm nhân sự người lao động giữ chức vụ quản lý phó phòng Tổ chức – Hành chính và trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật. Giao ban điều hành Công ty đề xuất thông qua cuộc họp HĐQT gần nhất tháng 05/2022.</p>
6	19/NQ-HĐQT	24/05/2022	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>a) Thống nhất về chủ trương việc bổ nhiệm Ông Lê Thành Nam giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật trực thuộc Công ty, giao Ban Tổng Giám đốc thực hiện trình tự thủ tục bổ nhiệm theo đúng Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, đối với người quản lý, người lao động thuộc Công ty (Kèm theo Tờ trình số 224/TTr-CTN ngày 06/05/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>b) Thống nhất việc bổ nhiệm lại Ông Trần Văn Nghị giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ trực thuộc Công ty (Kèm theo Tờ trình số 232/TTr-CTN ngày 11/05/2022 của Tổng Giám đốc).</p>
7	22/NQ-HĐQT	03/06/2022	<p>1. Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ 2022-2026: Lúc 7h30 ngày 29/06/2022.</p> <p>2. Thống nhất nội dung báo cáo và các tờ trình để thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ 2022 - 2026 như sau:</p> <p>a) Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty nhiệm kỳ 2017-2021 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2022-2026.</p> <p>b) Tờ trình báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.</p> <p>c) Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2021.</p> <p>d) Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.</p> <p>e) Tờ trình thông qua thủ lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2022.</p> <p>f) Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2021.</p> <p>g) Tờ trình thông qua danh sách thành viên HĐQT và BKS ứng cử nhiệm kỳ 2022 - 2026.</p> <p>3. Thống nhất việc điều động người lao động giữ chức vụ quản lý (Theo Tờ trình số 248/TTr-CTN ngày 19/05/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>4. Thống nhất chủ trương lập thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án Nhà máy nước mặt Cần Chông, huyện Tiểu Cần, công suất 10.000 m³/ngày đêm (Theo Tờ trình số 277/TTr-CTN ngày 31/05/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>5. Thống nhất chi tiền trang phục năm 2022 (đợt 1) là 2.000.000 đồng/người, cho những đối tượng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.</p>

Hoạt động của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
8	45/NQ-HĐQT	03/08/2022	<p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Quý II/2022; Báo cáo kết quả thực hiện SXKD Quý II/2022 và kế hoạch SXKD Quý III/2022 (Kèm theo Báo cáo số 391/BC-CTN ngày 01/08/2022 và báo cáo số 333/BC-CTN ngày 06/07/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt bổ sung các tuyến ống phát sinh vào kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối cấp nước năm 2022 (Theo Tờ trình số 334/TTr-CTN ngày 6/07/2022 của Tổng Giám đốc)</p> <p>3. Thống nhất điều chỉnh mức lương của người lao động Công ty theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ, áp dụng đối với người lao động Công ty từ ngày 01/07/2022; Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng lại quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 trình Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh phê duyệt lại. (Theo Tờ trình số 353/TTr-CTN ngày 18/07/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>4. Thống nhất về chủ trương phương án xử lý độ cứng tổng bằng phương pháp pha trộn nước ngầm và nước mặt đã xử lý (Theo Tờ trình số 365/TTr-CTN ngày 20/07/2022 của Tổng Giám đốc). Giao Tổng Giám đốc nghiên cứu xây dựng trình phương án tối ưu để thông qua Hội đồng quản trị tại cuộc họp quý IV/2022; Trước mắt kêu gọi Công ty TNHH MTV Cấp nước SenCo Trà Vinh đầu tư để mua trong phần nước mà Công ty đã hợp đồng.</p> <p>5. Thống nhất điều chỉnh Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (Theo Tờ trình số 309/TTr-CTN ngày 22/06/2022 của Tổng Giám đốc); sau khi được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Thống nhất việc điều động người lao động giữ chức vụ quản lý – Ông Nguyễn Hiền Phúc - Phó Giám đốc Chi nhánh cấp nước Cầu Ngang - Duyên Hải - Trà Cú về giữ chức vụ Phó Phòng KH-KT (Theo Tờ trình số 359/TTr-CTN ngày 20/07/2022 của Tổng Giám đốc). Thời gian điều động từ ngày 01/08/2022.</p> <p>7. Thống nhất việc ký hợp đồng lao động với Ông Vũ Trọng Thanh (Theo Tờ trình số 70/TTr-CTN ngày 22/07/2022 của Tổng Giám đốc). Thời gian thực hiện hợp đồng lao động 06 tháng từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/01/2023.</p> <p>8. Thống nhất phê duyệt cho Người lao động giữ chức vụ quản lý xin nghỉ trước tuổi hưu được hưởng chính sách ưu đãi theo Quy chế về chính sách ưu đãi của Công ty.</p> <p>8.1. Ông Mạc Tấn Lâm. Thời gian nghỉ: Kể từ ngày 01/12/2022 (Theo đơn xin nghỉ trước tuổi về hưu theo chính sách ưu đãi của Công ty)</p>

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
8	45/NQ-HĐQT	03/08/2022	<p>8.2. Ông Trần Hoàng Long. Thời gian nghỉ: Kể từ ngày 01/01/2023 (Theo đơn xin nghỉ trước tuổi về hưu theo chính sách ưu đãi của Công ty).</p> <p>9. Về công tác nhân sự Thống nhất việc điều động người lao động giữ chức vụ quản lý (Kèm theo báo cáo số 376/BC-CTN, ngày 26/07/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>9.1. Điều động Ông Trần Văn Nghị thay thế vị trí Ông Trần Hoàng Long giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh cấp nước Châu Thành - Trà Cú. Kể từ ngày 01/01/2023.</p> <p>9.2. Ông Nguyễn Quốc Thăng giữ chức vụ Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ đến khi có Quyết định bổ nhiệm.</p> <p>9.3. Ông Mạc Tấn Lâm thôi điều hành Chi nhánh cấp nước TP. Trà Vinh để thực hiện việc bàn giao và giải quyết những việc thuộc trách nhiệm cá nhân còn tồn đến ngày nghỉ chính thức.</p> <p>9.4. Ông Nguyễn Văn Đại giữ chức vụ Phó Giám đốc nhận bàn giao của Ông Mạc Tấn Lâm và điều hành Chi nhánh Cấp nước thành phố Trà Vinh đến khi có Quyết định khác.</p> <p>9.5. Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Sơn giữ chức vụ Phó Phòng Tổ chức – Hành chính. Lương và các khoản phụ cấp (nếu có) của ông Nguyễn Văn Sơn được bảo lưu như mức đang hưởng cho 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm.</p> <p>10. Thống nhất việc bổ nhiệm người lao động giữ chức vụ quản lý đối với Ông Lê Thành Nam giữ chức vụ Trưởng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật (Theo Tờ trình số 380/TTr-CTN ngày 27/07/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>11. Thống nhất chủ trương quy hoạch các chức danh quản lý Công ty nhiệm kỳ 2022-2026; Giao Chủ tịch HĐQT chỉ đạo quy hoạch theo thẩm quyền để thông qua HĐQT kỳ họp quý IV/2022.</p> <p>12. Thống nhất xây dựng, chỉnh sửa để thay thế các Quy chế quản lý còn lại theo Điều lệ mới của Công ty (nhiệm kỳ 2022 - 2026); Giao Tổng giám đốc chỉ đạo xây dựng thông qua HĐQT kỳ họp quý IV/2022.</p> <p>13. Thống nhất vào ngày 01/01/2023 giải thể Chi nhánh Cấp nước Châu Thành; Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải – Trà Cú; Thành lập Chi nhánh Cấp nước Châu Thành – Trà Cú; Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải. Theo Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2022 - 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/06/2022.</p> <p>14. Thống nhất thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách 1.000.000 đồng/tháng thực hiện từ ngày 01/07/2022 (Vì mức thù lao các tháng trước đã chi trước Đại hội không hồi tố).</p>

Hoạt động của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
8	45/NQ-HĐQT	03/08/2022	<p>15. Thống nhất phục hồi mức khoán nước uống của các đơn vị trực thuộc theo mức chi trước khi có Nghị quyết cắt giảm. Thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2022.</p> <p>16. Thống nhất chủ trương khảo sát lập xây dựng dự toán về phòng chống thất thoát nước mạng lưới Cấp nước thành phố Trà Vinh. Giao Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng trình HĐQT trong thời gian gần nhất để hạ tỷ lệ thất thoát đạt kế hoạch năm đã đề ra.</p> <p>17. Thống nhất chủ trương xây dựng phương án quy hoạch tổng thể mạng lưới Cấp nước thành phố Trà Vinh. Giao Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng sớm nhất có thể để trình HĐQT.</p> <p>18. Thống nhất chủ trương cho sửa chữa giếng hư tại bãi giếng Nhà máy Cấp nước Duyên Hải.</p>
9	49/NQ-HĐQT	30/09/2022	<p>1. Đồng ý mua thêm nước mặt đã xử lý của Công ty TNHH MTV Cấp nước SenCo Trà Vinh với khối lượng 2.000 m³/ngày đêm, để thực hiện phương án pha trộn nước mặt đã xử lý với nước ngầm, phía bên Công ty TNHH MTV Cấp nước SenCo đầu tư toàn bộ tuyến ống. Hội đồng quản trị cùng đàm phán với Công ty TNHH MTV SenCo Trà Vinh về phương thức đầu tư, thời hạn cung cấp.</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt cho người lao động xin nghỉ trước tuổi hưu được hưởng chính sách ưu đãi theo Quy chế về chính sách ưu đãi của Công ty đối với Ông Dương Văn Toàn. Thời gian nghỉ: Kể từ ngày 01/01/2023 (Theo Tờ trình số 423/TTr-CTN ngày 16/08/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>3. Thống nhất vay hạn mức tín dụng vốn lưu động (Theo Tờ trình số 625/TTr-CTN ngày 07/09/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p>

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
10	50/NQ-HĐQT	21/10/2022	<p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết trong Quý III/2022 và Báo cáo kết quả SXKD - Quý III/2022, kế hoạch quý IV/2022 (Theo báo cáo số 767/BC-CTN ngày 07/10/2022 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>2. Thống nhất bổ sung các tuyến ống phát sinh vào kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối cấp nước năm 2022 và các tuyến ống đề nghị cắt giảm hoặc chuyển sang kế hoạch năm 2023 (Theo Tờ trình số 766/TTr-CTN ngày 07/10/2022 của TGD).</p> <p>3. Phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và phát triển năm 2022 (Theo Tờ trình số 775/TTr-CTN ngày 12/10/2022 của TGD).</p> <p>4. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2022 - 2026 (Theo Tờ trình số 789/TTr-CTN ngày 12/10/2022 của TGD).</p> <p>5. Thống nhất điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 03/08/2022, thời gian áp dụng mức lương trong Hệ thống thang bảng lương theo chức danh công việc của người lao động từ ngày 01/10/2022.</p> <p>6. Phê duyệt ban hành các Quy chế gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế Quản lý tài chính (Theo Tờ trình số 765/TTr-CTN ngày 07/10/2022 của TGD). - Quy chế Chi tiêu nội bộ (Theo Tờ trình số 762/TTr-CTN ngày 05/10/2022 của TGD). - Quy chế quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với người đại diện vốn, người giữ chức vụ quản lý do Nhà nước cử tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh. - Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động đối với người quản lý (không do Nhà nước cử), người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh. <p>7. Thống nhất việc điều chuyển nhân sự người lao động giữ chức vụ quản lý (Theo Tờ trình số 790/TTr-CTN ngày 19/10/2021 của Tổng Giám đốc Công ty).</p> <p>Thời gian thực hiện: Giao cho Tổng Giám đốc quyết định thời gian điều chuyển thích hợp.</p>

Hoạt động của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung																																													
11	53/NQ-HĐQT	08/12/2022	<p>1. Thống nhất chi trả cổ tức (đợt 2) năm 2019 và năm 2021 cho cổ đông (Theo Tờ trình số 825/TTr-CTN ngày 14/11/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>- Ngày đăng ký cuối cùng: 22/12/2022</p> <p>- Tỷ lệ chi trả:</p> <p>+ Năm 2019: Cổ tức năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua với tỷ lệ 5%. Trong đó đã chi trả (đợt 1) năm 2021 với tỷ lệ 2,6% số còn lại chi trả lần này là 2,4% (01 cổ phiếu được nhận 240 đồng).</p> <p>+ Năm 2021 tỷ lệ 3%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 300 đồng).</p> <p>- Ngày chi trả: 10/01/2023.</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD và phát triển năm 2023 (Theo tờ trình số 842/TTr-CTN ngày 22/11/2022 của Tổng giám đốc). Sau khi thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh này, 06 tháng đầu năm 2023 Ban điều hành báo cáo kết quả thực hiện để HĐQT điều chỉnh cho phù hợp.</p> <p>Một số chỉ tiêu chủ yếu</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>ĐVT</th> <th>Kế hoạch năm 2023</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Nước sản xuất</td> <td>m³</td> <td>16.055.500</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>+ Nước ngầm</td> <td>m³</td> <td>7.167.300</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>+ Nước mặt</td> <td>m³</td> <td>8.888.200</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Nước tiêu thụ</td> <td>m³</td> <td>13.674.296</td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Tổng Doanh thu</td> <td>Tỷ đồng</td> <td>145,5</td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tỷ đồng</td> <td>12,8</td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất</td> <td>Tỷ đồng</td> <td>40,52</td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Chi cổ tức dự kiến</td> <td>%</td> <td>3,0</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>3. Thống nhất việc ký tiếp hợp đồng lao động với Ông Vũ Trọng Thanh (Theo Tờ trình số 867/TTr-CTN ngày 30/11/2022 của Tổng Giám đốc). Thời gian thực hiện hợp đồng lao động 06 tháng từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 31/07/2023.</p> <p>4. Thống nhất phê duyệt cho Người lao động xin nghỉ trước tuổi về hưu được hưởng chính sách ưu đãi theo Quy chế về chính sách ưu đãi của Công ty (Theo Tờ trình số 872/TTr-CTN ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc).</p>	STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú	1	Nước sản xuất	m ³	16.055.500			+ Nước ngầm	m ³	7.167.300			+ Nước mặt	m ³	8.888.200		2	Nước tiêu thụ	m ³	13.674.296		3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	145,5		4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,8		5	Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất	Tỷ đồng	40,52		6	Chi cổ tức dự kiến	%	3,0	
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú																																												
1	Nước sản xuất	m ³	16.055.500																																													
	+ Nước ngầm	m ³	7.167.300																																													
	+ Nước mặt	m ³	8.888.200																																													
2	Nước tiêu thụ	m ³	13.674.296																																													
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	145,5																																													
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,8																																													
5	Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất	Tỷ đồng	40,52																																													
6	Chi cổ tức dự kiến	%	3,0																																													

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
			<p>5. Thống nhất chủ trương đàm phán Công ty Cổ phần BOO nước Trà Vinh đầu tư lắp đặt tuyến ống D220 qua cầu Long Bình III và qua Cầu Tréo, để nhận lưu lượng nước cấp bù và định hướng phát triển lâu dài Nhà máy nước sạch Láng Thè (Theo TT số 885 /TTr-CTN ngày 05/12/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>6. Thống nhất chủ trương đầu tư đấu nối tuyến ống gang D300 tăng áp lực, lưu lượng nước khu vực thị trấn Châu Thành, xã Đa Lộc và xã Mỹ Chánh (Theo TT số 886 /TTr-CTN ngày 05/12/2022 của Tổng Giám đốc).</p> <p>7. Thống nhất chủ trương làm quy trình bổ nhiệm nhân sự người lao động giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh cấp nước thành phố Trà Vinh đối với ông Nguyễn Văn Đại, Giám đốc Chi nhánh cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè đối với ông Huỳnh Văn Mộng (Theo TT số 878 /TTr-CTN ngày 02/12/2022 của Tổng giám đốc).</p>
Các quyết định			
12	06/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Quyết định V/v cho thôi việc đối với người lao động.
13	15/QĐ-HĐQT	11/02/2022	Quyết định V/v phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Tuyến ống D315 dẫn nước sạch từ thị xã Duyên Hải về cụm công nghiệp xã Hiệp Mỹ Tây.
14	23/QĐ-HĐQT	04/03/2022	Quyết định V/v bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
15	29/QĐ-HĐQT	20/04/2022	Quyết định V/v thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và nhiệm kỳ 2022 - 2026
	32/QĐ-HĐQT		Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của người quản lý chuyên trách tại Công ty năm 2021.
16	33/QĐ-HĐQT	10/05/2022	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của người lao động bộ phận cấp nước tại Công ty năm 2021.
	34/QĐ-HĐQT		Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của NLD bộ phận thoát nước tại Công ty năm 2021.
	34/QĐ-HĐQT		Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của NLD bộ phận Xây lắp tại Công ty năm 2021.
17	36/QĐ-HĐQT	10/5/2022	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách – Năm 2022.
18	37/QĐ-HĐQT; 38/QĐ-HĐQT; 39/QĐ-HĐQT	10/05/2022	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương kế hoạch của người lao động bộ phận cấp nước, người lao động bộ phận xây lắp; người lao động bộ phận Thoát nước – năm 2022.
19	49/QĐ-HĐQT	02/06/2022	Quyết định V/v phê duyệt KHLCNT công trình các tuyến ống quý II/2022 Hạng mục 10 tuyến ống phân phối cấp nước
20	72,73,74,75/ QĐ-HĐQT	28/10/2022	Quyết định V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế bổ nhiệm
21	-	-	Các quyết định khác phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, thuộc thẩm quyền của người đại diện pháp luật, chủ tịch HĐQT Công ty.



Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty thực hiện thường xuyên hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Xây dựng chương trình hoạt động các Quý, năm và thực hiện kiểm tra định kỳ theo đúng kế hoạch. Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

Về công tác quản trị của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị (HĐQT) thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ hàng quý và đột xuất tại trụ sở Công ty, thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và những vấn đề phát sinh, tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc điều hành, nắm bắt kịp thời. Những vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng được bàn bạc, thảo luận và quyết định.
- Trong năm 2022, HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, đảm bảo đúng pháp luật và mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- HĐQT đã chuẩn bị kỹ càng đầy đủ cả về nội dung, hình thức và đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Nhiệm kỳ 2022 - 2026 của Công ty theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Trình ĐHCĐ thông qua các nội dung, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2022; đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Về công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Chủ động lập kế hoạch trong việc quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động. Có phân công nhiệm vụ điều hành của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Năm 2022 được sự chỉ đạo của HĐQT, điều hành của Ban Tổng giám đốc và sự nỗ lực của tập thể người lao động, đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận năm 2022, Công ty chính thức tiếp nhận mua nguồn nước mặt từ hai nhà máy nước mặt BOO Trà Vinh và nhà máy nước SenCo Trà Vinh là 20.000 m³/ngày đêm. Để đảm bảo cung cấp nước liên tục, đầy đủ lưu lượng, áp lực,... làm tăng chi phí đầu vào. Chi phí năm 2022 tăng 25,5% so với năm 2021, trong khi doanh thu 09 tháng đầu năm không tăng (giá nước không tăng), đến ngày 30/09/2022 Ủy ban nhân tỉnh Trà Vinh mới phê duyệt quyết định số 1931/QĐ-UBND áp dụng từ ngày 01/10/2022, nên lợi nhuận năm 2022 chỉ đạt 55,7% so với năm 2021.

Hoạt động của Ban kiểm soát (tiếp theo)

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Các thành viên trong Ban kiểm soát được tái bổ nhiệm tại ngày 29/06/2022 và không có sự thay đổi nào trong Ban kiểm soát.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trịnh Thị Kim Quy	3	100%
2	Nguyễn Thị Hương Thảo	3	100%
3	Lê Thị Xuân	3	100%

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị Công ty và hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác và kịp thời.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

Tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao
Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	338.000.000
Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	369.476.190
Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	340.000.000
Ngô Nhật Ngân	Thành viên HĐQT không điều hành	27.000.000
Võ Hoàng Khương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	340.000.000
Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	282.000.000
Trần Diệp Xuân	Thành viên Ban kiểm soát	13.000.000
Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000
Đào Thiện Duyên	Kế Toán Trưởng	260.000.000

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

Đơn vị: Đồng

Stt	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Vay ngắn hạn			
1	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	3.000.000.000	-
Chi phí lãi vay			
1	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	157.656.164	-
Chia cổ tức			
1	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Đồng Bằng	437.956.000	53/NQ-HĐQT
2	Công ty Cổ phần Rynan Technologies Vietnam	222.043.800	53/NQ-HĐQT
3	Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	3.605.898.000	53/NQ-HĐQT

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Không phát sinh trong năm 2022



06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2021.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSDC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là:

- > Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- > Khoan khai thác nước ngầm;
- > Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- > Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- > Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Chiếm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	
Ông Trương Hoàng Diệp	Thành viên	
Ông Võ Hoàng Khương	Thành viên	
Ông Ngô Nhật Ngân	Thành viên	Từ ngày 29/06/2022
Ông Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	Đến ngày 29/06/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Khương	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng ban
Bà Trần Diệp Xuân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Công Chiếm	Chủ tịch	Từ ngày 08/05/2019
Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/02/2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 36 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
NGUYỄN VĂN QUÝ
 Tổng Giám đốc
 Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
 29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 3908; 3910 6162 - Fax: 028. 3910 4880

Số: 97 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, được lập ngày 18/03/2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số :
 0700-2023-152-1

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga
 Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
 0613-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. Tài sản ngắn hạn	100		33.914.428.602	30.292.019.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.732.674.842	1.135.177.497
1. Tiền	111	V.01	6.732.674.842	1.135.177.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.560.891.293	11.423.769.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	10.848.802.846	7.337.015.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	192.341.150	1.006.332.650
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		835.091.643	2.641.714.604
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.735.576.355	1.370.026.131
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(1.050.920.701)	(931.319.621)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	13.579.758.854	17.156.269.093
1. Hàng tồn kho	141		13.579.758.854	17.156.269.093
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.103.613	576.803.480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.862.989	564.630.402
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	12.240.624	12.173.078
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
B. Tài sản dài hạn	200		279.910.737.522	284.534.471.224
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		263.722.797.678	268.855.911.889
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	261.091.971.677	266.129.395.109
- Nguyên giá	222		464.835.764.323	448.316.279.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203.743.792.646)	(182.186.884.613)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.630.826.001	2.726.516.780
- Nguyên giá	228		3.388.297.994	3.388.297.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(757.471.993)	(661.781.214)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.315.554.449	1.311.218.675
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	2.315.554.449	1.311.218.675
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.979.595.317	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(20.404.683)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.892.790.078	11.367.340.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.892.790.078	11.367.340.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		313.825.166.124	314.826.490.807

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. Nợ phải trả	300		142.959.634.140	141.044.586.552
I. Nợ ngắn hạn	310		90.420.050.294	75.661.476.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	18.430.716.528	10.237.991.820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.479.500	7.979.500
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.13	2.065.998.912	991.044.656
4. Phải trả người lao động	314		1.960.759.567	5.267.907.622
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.304.231.641	1.042.307.824
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	30.800.974.201	27.310.975.523
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	35.000.558.003	30.209.980.913
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		848.331.942	593.288.213
II. Nợ dài hạn	330		52.539.583.846	65.383.110.481
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	1.762.357.214	1.762.357.214
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	448.885.439	394.241.474
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	50.328.341.193	63.226.511.793
D. Vốn chủ sở hữu	400		170.865.531.984	173.781.904.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	170.865.531.984	173.781.904.255
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.347.877.369	13.043.171.369
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.539.054.615	14.760.132.886
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.744.446.635	3.744.446.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.794.607.980	11.015.686.251
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		313.825.166.124	314.826.490.807

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

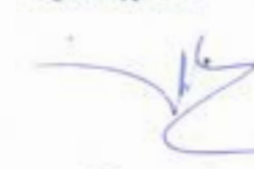
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	122.032.363.147	102.893.321.599
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		122.032.363.147	102.893.321.599
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	89.234.031.049	66.006.840.980
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.798.332.098	36.886.480.619
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.432.444	8.350.540
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	3.237.165.329	1.879.320.288
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.100.464.159</i>	<i>1.795.209.982</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	9.837.634.509	9.608.215.291
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	13.648.825.943	11.772.526.929
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.081.138.761	13.634.768.651
11. Thu nhập khác	31	VI.07	161.224.326	322.681.676
12. Chi phí khác	32	VI.08	8.031.031	165.072.698
13. Lợi nhuận khác	40		153.193.295	157.608.978
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.234.332.056	13.792.377.629
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.439.724.076	2.776.691.378
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.794.607.980	11.015.686.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	328	526
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	328	526

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	131.117.206.499	112.395.194.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(55.747.539.427)	(38.934.008.466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.545.616.517)	(20.102.761.776)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.058.683.990)	(1.786.466.996)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(703.269.112)	(2.655.257.011)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.893.278.444	1.574.142.696
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.015.207.251)	(27.699.237.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.940.168.646	22.791.605.382
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.438.590.535)	(15.191.691.885)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	200.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.432.444	8.350.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.432.158.091)	(14.983.341.345)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.360.101.686	49.145.644.451
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.467.695.196)	(47.228.943.292)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(802.919.700)	(11.019.659.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.910.513.210)	(9.102.958.541)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.597.497.345	(1.294.694.504)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1.135.177.497	2.429.872.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	7.732.674.842	1.135.177.497

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2021.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSDC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 206 người (số đầu năm là 204 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, không có thay đổi bất thường gì ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh cấp nước Cầu Ngang – Trà Cú – Duyên Hải
- Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè
- Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ
- Chi nhánh Quản lý Thoát nước
- Chi nhánh Cấp nước thành phố Trà Vinh – Châu Thành
- Chi nhánh mua bán vật tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	89.872.955	3.544.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.642.801.887	1.131.633.211
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.000.000.000	-
Cộng	7.732.674.842	1.135.177.497
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP Nam Tân	351.326.452	351.326.452
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Trà Vinh	2.721.967.152	685.662.957
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành	126.139.280	126.139.280
Công ty TNHH Xây Dựng Số 9	40.500.000	40.500.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.608.869.962	6.133.387.060
Cộng	10.848.802.846	7.337.015.749
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH ARK Việt Nam	-	606.012.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng LHP Việt Nam	-	83.074.500
Viện Công nghệ Khoan - Khai thác	-	144.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Hạ tầng kỹ thuật và Xây dựng SASOCO	26.121.150	26.121.150
Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam	97.625.000	97.625.000
Trả trước cho người bán khác	68.595.000	49.500.000
Cộng	192.341.150	1.006.332.650
4. Phải thu ngắn hạn khác		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tạm ứng	74.019.848	198.844.848
Phải thu BHXH, BHYT	-	72.393.201
Phải thu Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10	398.344.740	398.344.740
Phải thu Ông Huỳnh Anh Dũng	88.508.116	88.508.116
Phải thu Ban chỉ đạo Cổ phần hóa	392.525.000	334.025.000
Lãi dự thu ngân hàng	-	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	226.800.000	180.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	555.378.651	97.910.226
Cộng	1.735.576.355	1.370.026.131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	3.174.790.024	213.507.970	3.388.297.994
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.174.790.024	213.507.970	3.388.297.994
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	472.411.177	189.370.037	661.781.214
Số tăng trong năm	77.579.076	18.111.703	95.690.779
- Khấu hao trong năm	77.579.076	18.111.703	95.690.779
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	549.990.253	207.481.740	757.471.993
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu năm	2.702.378.847	24.137.933	2.726.516.780
Tại ngày cuối năm	2.624.799.771	6.026.230	2.630.826.001

	31/12/2022	01/01/2022
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	1.237.558.323	1.266.470.895

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.161.854.449	163.518.675
+ Thi công tuyến ống phân phối	1.045.434.147	110.878.502
+ Công trình XD/CB khác chưa hoàn thành	116.420.302	52.640.173
Mua sắm TSCĐ	1.153.700.000	1.147.700.000
+ Quyền sử dụng đất - giếng khoan số 14	352.800.000	352.800.000
+ Quyền sử dụng đất - giếng khoan số 15	264.900.000	264.900.000
+ Quyền sử dụng đất - giếng khoan Tiểu Cần	536.000.000	530.000.000
Cộng	2.315.554.449	1.311.218.675

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí lắp đặt ống nhánh, thủy lượng kế	4.926.237.338	5.841.493.259
Chi phí thay thế đồng hồ nước định kỳ	2.515.197.875	1.857.535.103
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.916.931.983	2.362.309.065
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	618.510.444	764.953.647
Chi phí trả trước dài hạn khác	915.912.438	541.049.586
Cộng	10.892.790.078	11.367.340.660

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.000.000.000	2.979.595.317	(20.404.683)
+ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải (*)	20%	3.000.000.000	2.979.595.317	(20.404.683)
Cộng		3.000.000.000	2.979.595.317	(20.404.683)

(*) Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100542338 đăng ký ngày 20/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Vốn điều lệ 15 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải số tiền 3 tỷ đồng tương đương 20% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12. Phải trả người bán				
a) Ngắn hạn	18.430.716.528	18.430.716.528	10.237.991.820	10.237.991.820
Công ty Cổ phần BOO Trà Vinh	4.285.538.250	4.285.538.250	1.537.803.750	1.537.803.750
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	853.200.000	853.200.000	918.720.000	918.720.000
Công ty TNHH Phát Thiên Phú	908.856.400	908.856.400	725.879.000	725.879.000
Công ty TNHH khoan địa chất công trình - địa chất thủy văn Hoàng Kim	885.816.031	885.816.031	823.590.627	823.590.627
Công ty TNHH Một thành viên Lâm Quang Sơn	62.311.241	62.311.241	244.035.990	244.035.990
Công ty TNHH MTV Cấp nước SESCO Trà Vinh	4.892.576.896	4.892.576.896	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	1.680.779.826	1.680.779.826	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn	755.902.600	755.902.600	-	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Nam Khang	673.335.000	673.335.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật SAIGONTEC	476.437.500	476.437.500	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	628.911.203	628.911.203	-	-
Công ty Cổ phần TM và DV Thiết bị Môi trường Sài Gòn	-	-	665.886.100	665.886.100
Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	-	-	2.705.399.217	2.705.399.217
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	-	771.419.550	771.419.550
Phải trả các đối tượng khác	2.327.051.581	2.327.051.581	1.845.257.586	1.845.257.586
b) Dài hạn				
Công ty TNHH Đan VT	1.762.357.214	1.762.357.214	1.762.357.214	1.762.357.214
	1.762.357.214	1.762.357.214	1.762.357.214	1.762.357.214

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước						
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	698.878.828	661.909.212	-	36.969.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	212.952.078	1.439.724.076	703.269.112	-	949.407.042
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.389.697	260.426.651	206.465.722	-	61.350.626
Thuế tài nguyên	-	236.810.750	2.395.133.050	2.470.305.300	-	161.638.500
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	12.173.078	-	18.778.322	18.845.868	12.240.624	-
Các loại thuế khác	-	533.892.131	7.078.477.084	6.755.736.087	-	856.633.128
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	207.888.372	207.888.372	-	-
Cộng	12.173.078	991.044.656	12.099.306.383	11.024.419.673	12.240.624	2.065.998.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
14. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	129.919.590	87.296.992
Chi phí lãi chậm trả	200.406.793	84.110.306
Chi phí điện, nước, cước điện thoại ...	471.465.685	457.940.753
Chi phí phải trả khác	502.439.573	412.959.773
Cộng	1.304.231.641	1.042.307.824
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	30.800.974.201	27.310.975.523
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Cổ tức phải trả	4.382.436.000	805.997.700
Phải trả vốn ngân sách Nhà nước	20.704.650.070	20.704.650.070
Phải trả khác về cổ phần hóa	550.202.688	550.202.688
Chi phí nước thải	550.431.280	490.152.264
Khoản nhận viện trợ không hoàn lại phải nộp (*)	1.574.764.075	1.574.764.075
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN (*)	1.000.002.265	2.000.002.265
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.038.487.823	1.185.206.461
b) Dài hạn	448.885.439	394.241.474
Ký cược, ký quỹ dài hạn	448.885.439	394.241.474
Cộng	31.249.859.640	27.705.216.997

(*) Là các khoản Công ty phải nộp cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi có ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh và Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Trong năm		Đem vị tính: VND	
	01/01/2022	31/12/2022	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
16. Vay và nợ thuê tài chính				
a) Ngắn hạn				
Vay ngắn hạn (*)	30.209.980.913	30.209.980.913	51.308.840.286	46.518.263.196
NH TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	14.876.686.913	14.876.686.913	33.469.273.686	30.128.099.446
- CN Trà Vinh (a1)	3.275.247.234	3.275.247.234	7.724.375.614	7.680.868.681
NH TMCP Công Thương Việt Nam	11.601.439.679	11.601.439.679	22.744.898.072	22.447.230.765
- CN Trà Vinh (a2)	-	-	3.000.000.000	-
Vay đối tượng khác (a3)	15.333.294.000	15.333.294.000	17.839.566.600	16.390.163.750
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	1.533.294.000	1.533.294.000	4.039.566.600	2.590.163.750
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA đầu tư tuyến ống	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
NH Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
NH Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	63.226.511.793	63.226.511.793	7.993.953.000	20.892.123.600
b) Dài hạn				
Vay dài hạn (**)	63.226.511.793	63.226.511.793	7.993.953.000	20.892.123.600
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA đầu tư tuyến ống	12.262.741.401	12.262.741.401	5.143.953.000	4.992.123.600
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	29.802.268.010	29.802.268.010	-	10.000.000.000
NH Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	15.181.502.382	15.181.502.382	-	3.800.000.000
Vay đối tượng khác	5.980.000.000	5.980.000.000	2.850.000.000	2.100.000.000
Cộng	93.436.492.706	93.436.492.706	59.302.793.286	67.410.386.796

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

(a1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/854354/HĐTD ngày 10/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2022/854354/HĐTD ngày 10/05/2022. Hạn mức cấp tín dụng là 3,4 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng. Phương thức bảo đảm khoản vay: tín chấp. Số dư nợ gốc tại 31/12/2022: 3.318.754.167 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 575/2022-HDCVHM/NHCT980-TRAWACO ngày 29/12/2022. Hạn mức cấp tín dụng là 11,9 tỷ đồng. Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 04 tháng. Phương thức bảo đảm khoản vay: tín chấp. Số dư nợ gốc tại 31/12/2022: 11.899.106.986 đồng.

(a3) Vay ngắn hạn Công ty CP Nước và Môi trường Duyên Hải theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 02/HDCV/2022 ngày 07/03/2022. Số tiền vay: 900.000.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Lãi suất vay: 6,5%/năm. Số dư nợ gốc tại 31/12/2022: 900.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay số 03/HDCV/2022 ngày 14/03/2022. Số tiền vay: 2.100.000.000 đồng. Thời hạn vay: 7 tháng. Lãi suất vay: 6,5%/năm. Số dư nợ gốc tại 31/12/2022: 2.100.000.000 đồng.

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Phương thức đảm bảo
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	01/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 14/02/2020	5 năm	6,5%/năm	506.000.000	253.000.000	759.000.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	04/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 29/06/2020	8 năm	6,5%/năm	313.125.000	62.625.000	375.750.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	06/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 07/07/2020	8 năm	6,5%/năm	1.155.932.000	231.186.000	1.387.118.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	08/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 30/07/2020	10 năm	6,5%/năm	1.106.192.000	158.000.000	1.264.192.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	10/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 30/07/2020	10 năm	6,5%/năm	2.318.746.401	331.249.000	2.649.995.401	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	21/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 03/09/2020	5 năm	6,5%/năm	373.680.000	124.560.000	498.240.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Phương thức đảm bảo
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	23/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 09/11/2020	3 năm	6,5%/năm	-	124.216.000	124.216.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	29/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 15/12/2020	5 năm	6,5%/năm	347.838.000	173.918.000	521.756.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	06/2021/HĐVV/QĐTPT ngày 03/03/2021	8 năm	6,5%/năm	1.490.751.000	248.458.000	1.739.209.000	Thế chấp TSCĐ của Công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	08/2021/HĐVV/QĐTPT ngày 10/06/2021	5 năm	6,5%/năm	952.739.000	317.580.000	1.270.319.000	Thế chấp TSCĐ hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	18/2021/HĐVV/QĐTPT ngày 01/07/2021	10 năm	6,5%/năm	2.563.018.600	640.754.650	3.203.773.250	Thế chấp TSCĐ hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	01/2022/HĐVV-QĐTPT ngày 05/04/2022	6 năm	7,8%/năm	515.591.000	103.118.000	618.709.000	Thế chấp TSCĐ hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	06/2022/HĐVV-QĐTPT ngày 10/06/2022	6 năm	7,8%/năm	284.668.000	160.000.000	444.668.000	Thế chấp TSCĐ hình thành sau đầu tư
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	08/2022/HĐVV-QĐTPT ngày 26/10/2022	6 năm	7,8%/năm	486.289.800	54.032.200	540.322.000	Thế chấp TSCĐ hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 24/08/2012	15 năm	0,3%/năm	19.802.268.010	10.000.000.000	29.802.268.010	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	20/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 26/08/2013	15 năm	0,3%/năm	11.381.502.382	3.800.000.000	15.181.502.382	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay người lao động	các hợp đồng vay cá nhân	13 tháng	12%/năm	3.880.000.000	-	3.880.000.000	Tin chấp
Vay người lao động	các hợp đồng vay cá nhân	24 tháng	12%/năm	2.850.000.000	-	2.850.000.000	Tin chấp
Cộng				50.328.341.193	16.782.696.850	67.111.038.043	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	145.978.600.000	9.151.175.369	23.107.875.885	178.237.651.254
Lợi nhuận trong năm			11.015.686.251	11.015.686.251
Trích cổ tức đợt 1 năm 2019			(3.795.443.600)	(3.795.443.600)
Trích cổ tức năm 2020			(8.028.823.000)	
Trích Quỹ đầu tư phát triển		3.891.996.000	(3.891.996.000)	
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi			(3.354.488.650)	(3.354.488.650)
Thường Ban điều hành			(292.678.000)	(292.678.000)
Số dư cuối năm trước	145.978.600.000	13.043.171.369	14.760.132.886	173.781.904.255
Số dư đầu năm nay	145.978.600.000	13.043.171.369	14.760.132.886	173.781.904.255
Lợi nhuận trong năm			4.794.607.980	4.794.607.980
Trích cổ tức năm 2021			(4.379.358.000)	(4.379.358.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển		3.304.706.000	(3.304.706.000)	
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi			(3.115.715.251)	(3.115.715.251)
Thường Ban điều hành			(215.907.000)	(215.907.000)
Số dư cuối năm nay	145.978.600.000	16.347.877.369	8.539.054.615	170.865.531.984

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2022		01/01/2022	
		VND		VND	
Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	82,3%	120.196.600.000	82,3%	120.196.600.000	
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng	10,0%	14.598.540.000	10,0%	14.598.540.000	
Công ty CP Rynan Technologies Vietnam	5,1%	7.401.460.000	5,1%	7.401.460.000	
Vốn góp của các đối tượng khác	2,6%	3.782.000.000	2,6%	3.782.000.000	
Cộng	100%	145.978.600.000	100%	145.978.600.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.978.600.000	145.978.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	145.978.600.000	145.978.600.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.597.860	14.597.860
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ bao gồm:

Giá trị còn lại Đài nước 500m3 phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, và đường nội bộ: 93.180.643 đồng. Tuy nhiên hai tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.032.363.147	102.893.321.599
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	111.061.329.407	94.965.197.363
Doanh thu thoát nước via hệ	8.316.675.086	6.314.355.633
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	135.711.924	98.441.804
Doanh thu xây lắp	1.620.008.452	908.715.831
Doanh thu cung cấp dịch vụ	898.638.278	606.610.968
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Không phát sinh		
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	83.277.131.669	62.898.775.037
Giá vốn thoát nước via hệ	4.476.911.708	2.053.296.260
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	92.407.319	70.328.274
Giá vốn xây lắp	1.248.370.341	878.063.559
Giá vốn cung cấp dịch vụ	139.210.012	106.377.850
Cộng	89.234.031.049	66.006.840.980
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.432.444	8.350.540
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	6.432.444	8.350.540
4. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.100.464.159	1.795.209.982
Lãi chậm trả	116.296.487	84.110.306
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	20.404.683	-
Cộng	3.237.165.329	1.879.320.288

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên vật liệu	3.804.069.068	4.615.000
Chi phí nhân công	19.166.177	3.717.080.077
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.831.187.635	4.832.946.658
Chi phí khấu hao	497.309.478	431.294.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.550.849	241.593.092
Chi phí khác bằng tiền	365.351.302	380.685.634
Cộng	9.837.634.509	9.608.215.291
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	353.236.361	294.986.389
Chi phí nhân công	7.574.808.731	8.148.375.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.986.334	115.345.272
Chi phí khấu hao	547.961.841	588.560.801
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	119.601.080	29.639.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.125.124.749	1.111.715.571
Chi phí khác bằng tiền	3.772.106.847	1.483.904.203
Cộng	13.648.825.943	11.772.526.929
7. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Lắp đặt thủy lượng kế, khảo sát vận chuyển	23.359.089	28.863.774
Thu cho thuê văn phòng	-	54.545.456
Thu thanh lý phế liệu, công cụ dụng cụ	-	137.705.909
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường giữ lại	-	69.467.413
Xử lý công nợ	58.954.000	-
Xử lý tài sản thừa khi kiểm kê	3.558.739	-
Thu nhập khác	75.352.498	32.099.124
Cộng	161.224.326	322.681.676
8. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý phế liệu, công cụ dụng cụ	-	118.702.815
Chi phí phạt vi phạm hành chính	5.083.596	45.963.259
Chi phí khác	2.947.435	406.624
Cộng	8.031.031	165.072.698

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.234.332.056	13.792.377.629
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	752.597.596	91.079.259
- Các khoản điều chỉnh tăng	844.891.596	91.079.259
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	839.808.000	45.116.000
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	5.083.596	45.963.259
- Các khoản điều chỉnh giảm	(92.294.000)	-
+ Thu nhập đã chịu thuế	(92.294.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.986.929.652	13.883.456.888
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	1.397.385.930	2.776.691.378
Chi phí thuế TNDN các năm trước nộp bổ sung	42.338.146	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	1.439.724.076	2.776.691.378

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.794.607.980	11.015.686.251
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	(3.331.622.251)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.331.622.251)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.115.715.251)
+ Trích thưởng Ban điều hành (*)	-	(215.907.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.794.607.980	7.684.064.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.597.860	14.597.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	328	526
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	328	526

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành chưa xác định được giá trị cụ thể để giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế năm nay để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (các giá trị này chỉ xác định khi Đại hội cổ đông thường niên chính thức thông qua).

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh bởi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2021 với tổng giá trị là 3.331.622.251 đồng (xem thuyết minh VII.8).

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi tiêu		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.863.686.218	29.084.947.311
Chi phí nhân công	22.645.687.130	25.653.259.516
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.652.598.812	20.848.489.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.677.924.355	2.777.417.484
Chi phí khác bằng tiền	17.880.594.986	9.023.468.902
Tổng cộng	112.720.491.501	87.387.583.200

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.659.543.445	2.747.401.979

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	Bên liên quan	Vay ngắn hạn Chi phí lãi vay	3.000.000.000 157.656.164
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Bằng	Bên liên quan	Chia cổ tức	437.956.200
Công ty CP Rynan Technologies Vietnam	Bên liên quan	Chia cổ tức	222.043.800
Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	Bên liên quan	Chia cổ tức	3.605.898.000

Cho đến ngày 31/12/2022, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	Bên liên quan	Vay ngắn hạn Lãi vay phải trả	(3.000.000.000) (48.135.616)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Bằng	Bên liên quan	Cổ tức phải trả	(437.956.200)
Công ty CP Rynan Technologies Vietnam	Bên liên quan	Cổ tức phải trả	(222.043.800)
Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	Bên liên quan	Cổ tức phải trả	(3.605.898.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.732.674.842	-	1.135.177.497	-
Phải thu khách hàng	10.848.802.846	(794.090.095)	7.337.015.749	(674.489.015)
Phải thu khác	1.927.917.505	(256.830.606)	2.376.358.781	(256.830.606)
Cộng	20.509.395.193	(1.050.920.701)	10.848.552.027	(931.319.621)
			Giá trị ghi sổ	
Công nợ tài chính			31/12/2022	01/01/2022
Các khoản vay			85.328.899.196	93.436.492.706
Phải trả người bán			18.430.716.528	10.237.991.820
Chi phí phải trả			1.304.231.641	1.042.307.824
Phải trả khác			34.836.212.180	33.577.907.301
Cộng			139.900.059.545	138.294.699.651

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07, V.08 và V.16). Tại thời điểm 31/12/2022 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	89.571.718.352	50.328.341.193	139.900.059.545
Các khoản vay	35.000.558.003	50.328.341.193	85.328.899.196
Phải trả người bán	18.430.716.528	-	18.430.716.528
Chi phí phải trả	1.304.231.641	-	1.304.231.641
Phải trả khác	34.836.212.180	-	34.836.212.180
Số đầu năm	75.068.187.858	63.226.511.793	138.294.699.651
Các khoản vay	30.209.980.913	63.226.511.793	93.436.492.706
Phải trả người bán	10.237.991.820	-	10.237.991.820
Chi phí phải trả	1.042.307.824	-	1.042.307.824
Phải trả khác	33.577.907.301	-	33.577.907.301

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2021 theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 ngày 03/06/2022 và Tờ trình số 227/TTr-CTN ngày 06/05/2022 với tổng giá trị là 3.331.622.251 đồng như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2021 (Sau điều chỉnh)	Năm 2021 (Trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.684.064.000	11.015.686.251	(3.331.622.251)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	526	755	(229)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	526	755	(229)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2022 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Trà Vinh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quý



The stamp contains the following text: M.S.D.N. 2100118570-C.T.C.B, CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH, TP. TRÀ VINH, T. TRÀ VINH.

